

Số /BC-UBND

Vĩnh Cửu, ngày tháng năm 2024

[Dự thảo]

BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024
đối với xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.**

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/02/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Nghị Quyết số 11-NQ/HU ngày 20/7/2022 của Huyện ủy Vĩnh Cửu về xây dựng huyện Vĩnh Cửu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Kế hoạch số 2279/KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện về việc xây dựng huyện Vĩnh Cửu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/HU ngày 12/01/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa XI) về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về mục tiêu giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2024 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ Kế hoạch số 2177/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện huyện Vĩnh Cửu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Thạnh Phú tại Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 05/8/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Thạnh Phú. UBND huyện Vĩnh Cửu báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Thạnh Phú năm 2024 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 12/8/2024 đến ngày 31/8/2024):

1. Về hồ sơ

Trong quá trình thực hiện xây dựng hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, UBND xã Thạnh Phú đã lập, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá đối với từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn đúng theo yêu cầu.

Hồ sơ đánh giá, thẩm tra kết quả các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao được thể hiện rõ ràng và đầy đủ gồm:

- Báo cáo số 118/BC-BCĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 của BCĐ NN-ND-NT &XDNTM xã Thạnh Phú về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao (bản chính);

- Báo cáo số 120/BC-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2024 của UBND xã Thạnh Phú về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã (bản chính);

- Báo cáo số 119/BC-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2024 của UBND xã Thạnh Phú về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Thạnh Phú (bản chính);

- Biên bản cuộc họp ngày 5/8/2024 (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển ấp) xét, đề nghị công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (bản chính);

- Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 5/8/2024 của UBND xã Thạnh Phú về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới, cũng như nông thôn mới nâng cao Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã Thạnh

Phú đã tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã thực hiện Công tác chỉ đạo điều hành một số nội dung như sau:

- Trên cơ sở Nghị quyết của Huyện ủy, BCH Đảng bộ xã đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động số 16-CTr/ĐU ngày 10 tháng 4 năm 2023 về xây dựng xã Thạnh Phú đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025; Ban hành công văn số 232-CV/ĐU ngày 24/01/2024 về việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

- BCH Đảng bộ xã đã yêu cầu UBND xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo kế hoạch số 08/KH-BCĐ ngày 24/01/2024 của BCĐ NN-ND-NT&XDNTM xã về việc xây dựng xã Thạnh Phú đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2024.

- Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM xã giai đoạn 2024-2025 được củng cố, kiện toàn theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 04/03/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

- Trong suốt quá trình thực hiện xây dựng các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, Đảng ủy xã thường xuyên kiểm tra, tự đánh giá để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Qua các cuộc họp, UBND xã có đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, xác định những nội dung trọng tâm, những việc còn tồn đọng tập trung thực hiện để duy trì xã nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới nâng cao. Định kỳ, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm UBND xã đều có báo cáo tổng kết công tác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và đề ra nhiệm vụ giải pháp thực hiện.

3. Xã Thạnh Phú đã được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 08/12/2016

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Kết quả duy trì giữ vững xã nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 theo Quyết định 09/QĐ-UBND của UBND tỉnh

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025. UBND xã đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu đến nay xã đã đạt 19/19 tiêu chí, 60/60 chỉ tiêu. Kết quả cụ thể một số chỉ tiêu thuộc Bộ nông thôn mới nhưng không có nội dung được đánh giá ở bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

4.1.1. Tiêu chí số 6 “Cơ sở vật chất Văn hóa”

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã. (Đạt)

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. (Đạt)

- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. (100%)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình triển khai

Hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; khảo sát và thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Nhà Văn hóa xã, Nhà văn hóa các ấp cần sửa chữa và đầu tư, xây dựng mới. Từ đó có kế hoạch huy động các nguồn kinh phí và từ sự hỗ trợ của UBND huyện và kêu gọi xã hội hóa để tập trung đầu tư, sửa chữa.

- Các nội dung, khối lượng đã thực hiện

+ *Chỉ tiêu 6.1: Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã*

Trung tâm Văn hóa thể thao xã Thạnh Phú được xây dựng với tổng mức vốn đầu tư là 11.270.752.000 đồng, diện tích xây dựng công trình chính Nhà văn hóa: 696,12 m² và diện tích phân sân: 1.998 m². Tháng 4/2017 Trung tâm VHTT- HTCD chính thức được đưa vào sử dụng với diện tích 2694.12 m² đảm bảo cho hoạt động thể dục thể thao, hội nghị được diễn ra thường xuyên, đảm bảo sân chơi, tập luyện cho người dân địa phương.

Về quy mô xây dựng: Hội trường chứa được trên 200 chỗ ngồi, có 05 phòng chức năng: phòng họp kiêm đọc sách, phòng học tiếng anh, phòng làm việc của Ban quản lý Trung tâm và phòng trực dành cho bảo vệ, 1 phòng để làm kho lưu trữ.

Trung tâm văn hóa xã có khu nhà vệ sinh khép kín, khu vực nam và nữ, mỗi khu vực có 4 phòng và 4 bồn rửa mặt, rửa tay. Có khuôn viên trồng hoa và cây xung quanh khu vực sân nhà văn hóa. Về trang thiết bị: Hội trường nhà văn hóa có trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, âm thanh, ánh sáng, quạt, có các dụng cụ thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của xã...phục vụ cho nhân dân và các hoạt động của trung tâm.

+ *Chỉ tiêu 6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định*

Xã có 01 sân bóng đá, 01 khu vui chơi trẻ em dành cho thiếu nhi tại Trung tâm VHTT-HTCD xã. Ngoài ra trên địa bàn xã có 02 hồ bơi trong trường học và 01 hồ bơi tư nhân, góp phần vào việc giải trí và rèn luyện sức khỏe cho thiếu nhi trên địa bàn. Bên cạnh đó Trung tâm văn hóa, thể thao – học tập cộng đồng xã, nhà văn hóa ấp thường xuyên hoạt động để nhân dân, nhất là người già và trẻ em đến sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí của người dân.

+ *Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng*

Xã có 7/7 ấp văn hóa, có nhà văn hóa được xây dựng đạt chuẩn NTM đạt 100% gồm: ấp 1 diện tích 663m², ấp 2 diện tích 500m², ấp 3 diện tích 720m², ấp 4 diện tích 798 m², ấp 5 diện tích 2.000m², ấp 6 diện tích 1300 m², ấp 7 diện tích 500m². Mỗi nhà văn hóa ấp đều có sân tập thể thao đơn giản phù hợp với nhu cầu người dân ở từng nơi. Quy mô xây nhà văn hóa ấp có diện tích phần hội trường là 198m², có sức chứa trên 100 chỗ ngồi với sân khấu trong hội trường là 30m², sân tập thể thao là trên 250m² có đủ các công trình phụ trợ. Về trang thiết bị của Hội trường nhà văn hóa: Có thiết bị âm thanh phục vụ hội họp và văn nghệ của nhân dân; bộ trang trí khánh tiết: phong màn sân khấu, cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, tượng Bác Hồ, bục phát biểu, băng khẩu hiệu, cờ trang trí. Có bàn ghế phục vụ thiếu nhi, có một số dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.2. Tiêu chí 13 “Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn”

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã. (Đạt)

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững. (Đạt)

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. (≥ 50%)

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường. (Đạt)

- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tổ chức thực hiện: UBND xã phối hợp với UB.MTTQ xã và các đoàn thể tuyên truyền vận động người dân tham gia vào các liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như tham gia vào OCOP, tham gia HTX, tổ hợp tác

- Nội dung đã triển khai thực hiện

+ *Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.*

Theo Quyết định số 9497/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn xã Thạnh Phú có 01 sản phẩm chủ lực là “*bưởi*”.

UBND xã Thạnh Phú đã phối hợp với cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng ký kết các hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Vương Hương về việc thực hiện việc liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ngoài ra, cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng cũng có ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với các nhà vườn khác trên địa bàn.

+ *Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương*

Trong thời gian qua UBND xã đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định, hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; vận động các cơ sở sản xuất áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đã giúp cơ quan quản lý và người tiêu dùng truy cập thông tin về sản phẩm một cách nhanh chóng, chính xác. Từ đó góp phần đưa các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm được chứng nhận VietGAP của xã vươn xa.

Trên địa bàn xã có 01 tổ hợp tác Hương Bưởi, tại ấp 6 xã Thạnh Phú đạt chứng nhận VietGAP với sản phẩm là bưởi, với diện tích 15.22ha/21ha diện tích vùng nguyên liệu (đạt tỷ lệ 72.47%)

+ *Chỉ tiêu 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.*

Xã không có làng nghề, làng nghề truyền thống được cấp có thẩm quyền phê duyệt do đó không đánh giá thiêu chí này.

+ *Chỉ tiêu 13.5: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.*

UBND xã Thạnh Phú ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 về việc thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng xã Thạnh Phú. Ngày 07/7/2023 Tổ khuyến nông cộng đồng đã xây dựng Nội quy, Quy chế hoạt động của Tổ. Tổ Khuyến nông cộng đồng xã Thạnh Phú đã thực hiện đạt 7/9 nội dung tại Bảng đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổ Khuyến nông.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Chỉ tiêu 13.2, 13.3, 13.4, 13.5: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.3. Tiêu chí 14 “Giáo dục và Đào tạo”

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ. (Đạt);

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ($\geq 90\%$);

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tổ chức thực hiện: Hàng năm trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã và các văn bản cấp trên, UBND xã đã triển khai xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã và chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ các năm học. Xã thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường so với quy định về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường chuẩn Quốc gia hiện hành. Hàng năm các trường được đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt mục tiêu nhiệm vụ năm học, bảo quản tốt cơ sở vật chất, huy động được nhiều nguồn lực tham gia các hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, giảng dạy được đẩy mạnh mang lại hiệu quả cao. Phát huy vai trò Hội phụ huynh học sinh, xây dựng mối quan hệ tốt giữa nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc tham gia làm chuyển biến chất lượng nhà trường, góp phần tăng cường cơ sở vật chất trường học.

- Các nội dung đã thực hiện

+ *Chỉ tiêu 14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.*

Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ: Xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; xóa mù chữ mức độ 2 và được UBND huyện công nhận tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2024.

+ *Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).*

Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 2129; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2023-2024): 2099; Tỷ lệ 98,59%.

Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 2098/2129; Tỷ lệ 98,54%.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.4. Tiêu chí 15 “Y tế”

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 90\%$)

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. (Đạt)

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ($\leq 14,5\%$)

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ($\geq 70\%$)

b) Kết quả thực hiện

- Tổ chức triển khai thực hiện: Hàng năm, UBND xã tham mưu cho Đảng ủy xã xây dựng Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia BHYT, xây dựng và triển khai kế hoạch của UBND xã về tập trung vận động BHXH, BHYT. Tham mưu Đảng ủy xã tiếp tục tổ chức quán triệt cho đảng viên các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Bảo hiểm y tế, ý nghĩa của Bảo hiểm y tế toàn dân, để cộng đồng cùng chia sẻ rủi ro, bảo đảm công bằng và bền vững của hệ thống. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đại lý thu Bảo hiểm y tế, công tác viên tuyên truyền, phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện tiếp tục mở các đại lý bảo hiểm y tế. Thực hiện các thủ tục kê khai mua bảo hiểm y tế nhanh, kịp thời đúng quy định của Nhà nước. Đặc biệt, chú trọng đến công tác gia hạn bảo hiểm y tế hàng năm cho người dân ngày từ đầu năm đảm bảo duy trì những người dân đã tham gia BHYT. Phối hợp Trạm Y tế xã tổ chức tuyên truyền về Bảo hiểm y tế toàn dân, đẩy mạnh hoạt động của đội ngũ công tác viên Y tế thôn ấp trong công tác tuyên truyền vận động người Dân tham gia Bảo hiểm Y tế.

- Các nội dung đã thực hiện

+ *Chỉ tiêu 15.2: Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.*

Trạm y tế duy trì 10 tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế (theo biên bản kiểm tra ngày 10/7/2024 của Trung tâm y tế Huyện Vĩnh Cửu) và đăng ký lộ trình xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2027.

+ *Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).*

Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là: 151/1422 trẻ, chiếm tỷ lệ 10,6%.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.5. Tiêu chí 16 “Văn hóa”

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới ($\geq 90\%$)

- Tỷ lệ hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa ($\geq 90\%$)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình triển khai thực hiện: Hàng năm UBND xã tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ, trong đó chỉ rõ những tồn tại, hạn chế của phong trào ở cơ

sở, đề ra những giải pháp triển khai thực hiện. Cùng với đó, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

- Các nội dung đã thực hiện

+ *Chỉ tiêu 16.1: Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.*

Có 7/7 ấp được công nhận giữ vững danh hiệu ấp văn hóa năm 2023 (theo quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

+ *Chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa.*

Năm 2023 toàn xã có 3.549 hộ đăng ký, kết quả xét công nhận 3527/3549 hộ, chiếm tỉ lệ 99.4%.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.6. Tiêu chí 17 “Môi trường và an toàn thực phẩm”

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. (Đạt)

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. (100%)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình triển khai thực hiện

+ Hằng năm, UBND xã xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tuyên truyền bảo vệ môi trường. Nội dung tuyên truyền chủ yếu vận động cán bộ, nhân dân hưởng ứng các hoạt động tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới, giờ Trái Đất, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, tích cực hưởng ứng bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

+ Tuyên truyền kế hoạch bảo vệ môi trường thông qua băng rôn, đài truyền thanh, lồng ghép trong các buổi họp dân nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường của nhân dân; đôn đốc nhắc nhở các hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn ra quân dọn vệ sinh dọc các tuyến đường trục chính trong khu dân cư nông thôn, nạo vét kênh mương, khai thông cống rãnh.

+ Phân công các đoàn thể phụ trách vệ sinh từng tuyến đường; thường xuyên tổ chức dọn dẹp vệ sinh ở các cơ quan, công sở, trường học; tổ chức truyền thông nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân; hàng năm Khối Dân vận, MTTQ và các đoàn thể phối hợp các cơ quan, đơn vị tổ chức công tác dân vận dọn dẹp vệ sinh, trồng cây xanh, điện chiếu sáng tại các tuyến đường khu dân cư.

- Các nội dung đã thực hiện

+ *Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.*

Tổng số tuyến đường trên địa bàn xã gồm 56 tuyến. Trong đó 04 tuyến đường huyện, 21 tuyến đường trục thôn ấp, 27 tuyến đường ngõ xóm, 4 tuyến đường tiếp tục thực hiện theo quy hoạch chi tiết được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và được trang bị giá treo rác phân loại rác hữu cơ và vô cơ hợp lý là 28,75 km/35,42km, đạt 81,16%.

Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang với chiều dài 35,42km; Số cây xanh được trồng trên các tuyến đường: 3.000 cây; Số hộ tham gia cải tạo, chỉnh trang hàng rào: 850 hộ; Số hộ tham gia hợp đồng thu gom rác: 5.380 hộ

UBND xã đã ban hành Quyết định thành lập 07 tổ tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn 7 ấp, lấy sự tham gia của cộng đồng dân cư làm chính trong việc tự giác, ý thức, thường xuyên dọn dẹp vệ sinh xung quanh nhà cửa, nơi ở. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; Hướng dẫn người dân phân loại, xử lý chất thải, rác thải, nước thải sinh hoạt và cách sử dụng các biện pháp, các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi.

Vận động nhân dân thực hiện tốt công tác thu gom chất thải sinh hoạt. Trên địa bàn xã không có phát sinh/tái lập các bãi rác tạm qua đó tỷ lệ thu gom rác đạt 100%.

Vận động các hộ dân tham gia thực hiện xây dựng cảnh quan nơi ở Xanh – Sạch – Đẹp thông qua việc tham gia thực hiện các công trình giao thông tạo nên sự thông thoáng, thuận lợi trong quá trình vận chuyển nông sản, đi lại, trồng và chăm sóc cây xanh, thường xuyên dọn vệ sinh các tuyến đường,...

Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Có 298/298 (Công thương 19 hộ, y tế 56 hộ, nông nghiệp 223 hộ) hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện ký cam kết tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm; Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 01/01 cơ sở. Kết quả đạt 100%.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.7. Tiêu chí 18: “Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật”

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (Đạt)
- Đảng bộ xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (Đạt)

- Chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (Đạt)

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (100%)

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. (Đạt)

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội. (Đạt)

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình triển khai thực hiện

Trong công tác lãnh đạo, Đảng ủy xã đã luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng bộ huyện và chỉ tiêu cấp trên giao; kiên quyết đấu tranh chống quan điểm sai trái, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng bộ; củng cố và nâng cao năng lực công tác của cán bộ, công chức. UBND xã luôn thực hiện tốt cải cách hành chính, tránh phiền hà cho nhân dân; hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực luôn được quan tâm, hoạt động của các đoàn thể, MTTQ qua các năm đều được đánh giá từ khá trở lên, xây dựng đội ngũ nòng cốt hàng năm đạt theo Nghị quyết đề ra.

- Các nội dung thực hiện

+ *Chỉ tiêu 18.1: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.*

Tổng số cán bộ, công chức xã là 19 người, trong đó cán bộ là 10 người và công chức xã 09 người; hiện có 19/19 cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xã Thạnh Phú được đánh giá đạt theo quy định.

+ *Chỉ tiêu 18.2: Đảng bộ xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Nghị quyết số 17-NQ/HU ngày 08/01/2024 của Huyện ủy Vĩnh Cửu)

+ *Chỉ tiêu 18.3: Chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

Chính quyền xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (theo Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

+ *Chỉ tiêu 18.4: Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

Năm 2023, UBMTTQ xã và đoàn thể xã đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (UBMTTQ xã - HTXSNV; Hội Phụ nữ xã - HTTNV; Hội nông dân xã - HTXSNV; Đoàn thanh niên xã - HTXSNV; Hội CCB - HTTNV).

+ *Chỉ tiêu 18.5: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

Xã Thạnh Phú được UBND huyện Vĩnh Cửu công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

+ *Chỉ tiêu 18.6: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

* Nội dung 1: Hiện nay xã Thạnh Phú có 01 đồng chí nữ giữ chức danh lãnh đạo chủ chốt đó là Phó Chủ tịch UBND xã.

* Nội dung 2: Trên địa bàn xã hiện tại có 01 Hợp Tác Xã SX Thương Mại Dịch Vụ Bình Thạch ở ấp 2, xã Thạnh Phú với 28 người tham gia, trong đó có 10 nữ chiếm tỷ lệ 35,71%.

* Nội dung 3: Theo kế hoạch số 13346/KH-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tỷ số giới tính khi sinh trong 12 tháng tính từ ngày 01/6/2023 đến 01/6/2024 là 108 bé trai/100 bé gái (115 bé trai/107 bé gái).

Từ 01/6/2023 đến 01/06/2024, trên địa bàn xã Thạnh Phú có 56 trường hợp kết hôn; không có trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép hôn, những người đến đăng ký kết hôn đều đủ tư cách pháp nhân, đúng độ tuổi theo quy định, hôn nhân dựa trên sự tự nguyện của nam và nữ.

* Nội dung 4: Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện Vĩnh Cửu về thành lập điểm tạm lánh, địa chỉ tin cậy, UBND xã Thạnh Phú đã xây dựng hướng dẫn thành lập Trạm y tế xã làm địa chỉ tin cậy - điểm tạm lánh cộng đồng. Những năm qua địa chỉ này luôn thực hiện tốt công tác giúp đỡ những hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

* Nội dung 5: UBND xã bố trí 01 người hoạt động không chuyên trách phụ trách công tác trẻ em và 66 cộng tác viên trẻ em trên toàn xã.

* Nội dung 6: UBND xã có tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã.

* Nội dung 7: Số liệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã

Số liệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã hiện tại có 55 em. Trong đó, có 3 trẻ khuyết tật đặc biệt nặng và 22 trẻ khuyết tật nặng hiện đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo quy định của nhà nước, 02 trẻ bị bỏ rơi (đã được các gia đình nhận làm con nuôi), 28 trẻ khuyết tật nhẹ.

UBND xã chỉ đạo cán bộ Gia Đình Trẻ Em thường xuyên cập nhật liên tục trên phần mềm quản lý dữ liệu trẻ em theo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm.

* Nội dung 8: Trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn xã Thạnh Phú có 1 trường hợp trẻ em bị bỏ rơi. UBND xã Thạnh Phú đã lập hồ sơ hỗ trợ can thiệp kịp thời.

+ *Chỉ tiêu 18.7: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.*

Công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân tham gia công tác xây dựng nông thôn mới được thực hiện hằng năm. Năm 2024, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới được tổ chức cụ thể như sau:

+ Tỉnh tổ chức 01 lớp chuyên đề xây dựng nông thôn mới tại huyện và tại xã Thạnh Phú, tổng cộng có khoảng 75 người tham gia với các thành phần như Ban nhân dân ấp, nông dân tiêu biểu, đại diện hộ dân trên địa bàn xã.

+ Huyện tổ chức 01 lớp chuyên đề xây dựng nông thôn mới tại huyện, xã Thạnh Phú có 125 người tham dự với các thành phần như Ban Chỉ đạo XDNTM, Ban Quản lý XDNTM, Ban Phát triển ấp, Ban giám sát cộng đồng, tổ khuyến nông cộng đồng, tổ hợp tác, chủ trang trại và nông dân tiêu biểu.

+ Xã tổ chức 02 lớp chuyên đề về xây dựng nông thôn mới theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 06/7/2023 của UBND xã Thạnh Phú, tham dự có 150 người với các thành phần như Ban nhân dân ấp, Mặt trận ấp, tổ hợp tác, chủ trang trại, tổ khuyến nông cộng đồng, đại diện hộ gia đình trên địa bàn các ấp.

Thông qua tập huấn, bồi dưỡng đã nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ xã, ấp tham mưu xây dựng nông thôn mới; triển khai sâu rộng nội dung xây dựng nông thôn mới đến người dân, phát huy tối đa tính chủ động, tích cực của người dân đảm bảo tính hiệu quả, ổn định, bền vững trong tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đảm bảo duy trì đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2025 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND, ngày 28/3/2023 của tỉnh Đồng Nai về ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19/19 tiêu chí, 76/76 chỉ tiêu đạt 100%, cụ thể:

4.2.1. Tiêu chí số 1 “Quy hoạch”

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Đạt)

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (Đạt)

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình triển khai thực hiện:

+ Công tác quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch được Đảng ủy, UBND xã tập trung chỉ đạo thực hiện. Kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý đất đai, xây dựng trên địa bàn, đảm bảo không vi phạm quy hoạch; trình UBND huyện điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Thường xuyên rà soát các quy hoạch trên địa bàn xã nhằm kịp thời phát hiện những bất cập so với thực tế để trình UBND huyện điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế và định hướng phát triển kinh tế xã hội của xã. Thành lập tổ kiểm tra trật tự xây dựng để kịp thời phát hiện những vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

+ Để quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng; UBND xã thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch, tiến hành cắm mốc ranh giới, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đúng quy định và đầu tư xây dựng các công trình thực hiện đúng các thủ tục, không để xảy ra các trường hợp xây dựng sai kết cấu hạ tầng.

+ Căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt, UBND xã tiến hành rà soát trình UBND huyện điều chỉnh, thi công các đường điện, các tuyến đường giao thông trong đầu tư công để phù hợp với hiện trạng và quy hoạch.

+ Xây dựng và ban hành quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra công tác trật tự xây dựng, môi trường và khai thác khoáng sản trên địa bàn xã; Kế hoạch giải tỏa an toàn hành lang đường bộ, đường sắt; Đồng thời xây dựng kế hoạch và lên lịch phân công để nhằm phát hiện, ngăn chặn xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh để người dân biết không vi phạm.

+ Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đúng quy định và đầu tư xây dựng các công trình thực hiện đúng các thủ tục, không để xảy ra các trường hợp xây dựng sai kết cấu hạ tầng.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

Trong quá trình thực hiện xây dựng Nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, UBND xã Thạnh Phú đã triển khai lập và trình cấp có thẩm quyền phê

duyet, được UBND huyện Vĩnh Cửu phê duyệt tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Phú tỷ lệ 1/10.000 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

Sau khi đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt, UBND xã đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn, trụ sở cơ quan làm việc các ấp, trụ sở công an, Trung tâm Văn hóa học tập và cộng đồng,... Bên cạnh đó, UBND xã cũng thường xuyên rà soát, đề nghị điều chỉnh, cập nhật những nội dung chưa phù hợp.

+ *Chỉ tiêu 1.2: Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.*

UBND huyện đã ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Phú.

UBND xã đã chỉ đạo các ban ngành, công chức Địa chính, đài truyền thanh xã...tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, đồng thời niêm yết công khai các quy hoạch tại trụ sở UBND xã, các điểm dân cư, đồng thời hướng dẫn cho nhân dân sử dụng đất đúng theo quy hoạch, không để xảy ra các trường hợp xây dựng sai với Đồ án quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt trên địa bàn xã.

+ *Chỉ tiêu 1.3: Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.*

UBND xã Thạnh Phú đã xây dựng Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu trong đó có 14 điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã. Có quy hoạch chi tiết 07 điểm dân cư xã Thạnh Phú. Quy hoạch trung tâm xã theo định hướng đô thị hóa.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.2. Tiêu chí số 2 “Giao thông”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định. (100%)

- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. (100%)

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt $\geq 70\%$; Sáng, xanh, sạch, đẹp. ($\geq 95\%$)

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. ($\geq 50\%$)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình triển khai thực hiện:

Sau khi hoàn thành xây dựng xã nông thôn mới, UBND xã tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển giao thông nông thôn, rà soát, thống kê hiện trạng hệ thống đường giao thông trên địa bàn như, đường xã quản lý, trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm; đường trục chính nội đồng, để có kế hoạch đầu tư xây dựng, hiện trạng hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã. Để thực hiện tiêu chí giao thông.

- Các nội dung đã thực hiện:

UBND xã phối hợp UBMTTQ xã, đoàn thể xã, ban vận động các ấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực, tự nguyện tham gia đóng góp thực hiện chương trình xã hội hóa giao thông nông thôn. Đồng thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ như công khai minh bạch các khoản đóng góp của nhân dân trong các công trình xã hội hóa, duy tu sửa chữa... Từ đó tạo được lòng tin nơi nhân dân, được nhân dân tin tưởng và tích cực hưởng ứng tham gia xã hội hóa giao thông nông thôn.

UBND xã đã chỉ đạo rà soát, thống kê hiện trạng hệ thống đường xã quản lý và tổ chức họp dân lấy ý kiến thống nhất về chủ trương xây dựng của từng tuyến đường. Từ đó, căn cứ vào khả năng nguồn lực huy động trong nhân dân để xác định công trình ưu tiên, xây dựng lộ trình thực hiện đạt tiêu chí về giao thông.

+ *Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.*

Trên địa bàn xã không có tuyến đường trục xã.

+ *Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn.*

Trên địa bàn xã có 21 tuyến đường trục ấp, với tổng chiều dài 17.1 km. Trong đó đã được thực hiện đầu tư cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT với chiều dài 17,1 km, đạt tỷ lệ cứng hóa 100%. Trong quá trình xây dựng Nông thôn mới đã thực hiện đầu tư nâng cấp BTXM, BTNN 17 tuyến với tổng chiều dài 13.6km đạt tỷ lệ bê tông hóa, nhựa hóa là 85%. Sau khi đạt chuẩn nông thôn mới, xã tiếp tục vận động nhân dân thực hiện đầu tư nâng cấp BTXM, BTNN thêm 04 tuyến còn lại với tổng chiều dài 3.5km. Nâng tỷ lệ bê tông hóa, nhựa hóa các tuyến đường trục thôn, ấp trên địa bàn xã là 100%.

Đường ấp và đường liên ấp có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

+ *Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp.*

Trên địa bàn xã có 27 tuyến đường ngõ xóm với tổng chiều dài 9.36 km. Số km đã được thực hiện cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT là 9.36 km, đạt tỷ lệ cứng hóa 100%. Thực hiện đầu tư nâng cấp BTXM, BTNN 22 tuyến với tổng chiều dài 8.1km đạt tỷ lệ bê tông hóa, nhựa hóa là 86%. Sau khi đạt chuẩn nông thôn mới, xã tiếp tục vận động nhân dân thực hiện đầu tư nâng cấp BTXM, BTNN thêm 05 tuyến còn lại với tổng chiều dài 1.26km. Nâng tỷ lệ bê tông hóa, nhựa hóa các tuyến đường trục ấp trên địa bàn xã là 100%; Sáng, xanh, sạch, đẹp đạt 95,2% (8,91/9,36km).

+ *Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.*

Trên địa bàn xã có 05 tuyến đường trục chính nội đồng với tổng chiều dài 3.5 km. Đã được thực hiện BTXM 05 tuyến (3.5km/3.5km), đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.3. Tiêu chí số 3 “Thủy lợi”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. ($\geq 95\%$)

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững. Trên địa bàn xã không có kênh mương thủy lợi do nhà nước đầu tư. (Đạt)

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. ($\geq 55\%$)

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. Trên địa bàn xã không có kênh mương thủy lợi do nhà nước đầu tư. (Đạt)

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. (Đạt)

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Để đảm bảo nguồn tưới tiêu phục vụ sản xuất, nhất là trong tháng mùa khô, UBND xã đã phối hợp với Hội nông dân xã, tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân ở các khu vực sản xuất sử dụng nước tiết kiệm hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang cây cần nước ít nhưng có hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo đủ nguồn nước tưới cho diện tích sản xuất trong mùa khô.

- Các nội dung đã thực hiện:

UBND xã tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát diện tích cây trồng cạn, diện tích cây trồng theo kế hoạch trên địa bàn xã, diện tích được tưới vào mùa khô, diện tích áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm trên các loại cây trồng. Trên cơ sở đó, thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguồn nước...

UBND xã thường xuyên kết hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện thực hiện kiểm tra, kiểm soát các nguồn nước xả vào các công trình thủy lợi trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, UBND xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, nhắc nhở các hộ dân khu vực xung quanh công trình thủy lợi về việc không xả nước thải ô nhiễm vào công trình. Qua rà soát, hiện không có hộ dân có hệ thống thoát nước sinh hoạt dẫn vào công trình thủy lợi, nước thải qua xử lý, đảm bảo theo quy định; về chăn nuôi và sản xuất kinh doanh khác: không có hộ nào xả thải vào công trình thủy lợi.

Hàng năm Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã đã rà soát, kiểm tra, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tổ chức triển khai rà soát xây dựng các phương án, kế hoạch với các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn, xây dựng kế hoạch tuyên truyền tập huấn cho các đối tượng tham gia phòng chống thiên tai. Qua theo dõi công tác PCTT-TKCN trên địa bàn huyện trong thời gian gần đây không xảy ra thiệt hại về người, không ảnh hưởng lớn đến sản xuất và kinh tế của người dân

+ *Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.*

Diện tích đất nông nghiệp cần được tưới theo kế hoạch gieo trồng là 630 ha. Diện tích tưới được từ các nguồn là 613,47 Ha (Diện tích vụ sản xuất Đông Xuân: Cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản 158,46 ha, cây lâu năm: 130,52ha; Diện tích sản xuất vụ Hè thu: Cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản: 161,85 ha, cây lâu năm: 130,52ha; Diện tích sản xuất vụ Mùa: Cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản: 162,64 ha, cây lâu năm: 130,52ha) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 97,38% (613,47/630 ha).

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 1.354,36 ha. Trong đó diện tích đất được tiêu thực tế là 1.354,36 ha đạt tỷ lệ 100% .

+ *Chỉ tiêu 3.2: Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.*

Trên địa bàn xã không có công trình thủy lợi nhưng người dân ở khu vực ấp 3, ấp 4 giáp ranh xã Tân Bình vẫn sử dụng được nước tưới từ trạm bơm Bình Phước thuộc xã Tân Bình để tưới cho 27,46ha cây Lúa. Hiện trên địa bàn xã người dân áp dụng đa dạng các mô hình tưới tiết kiệm trên cây trồng chủ lực như hệ thống nhỏ giọt, tưới béc phun sương...hiệu quả nhằm tiết kiệm thời gian, công sức nhưng vẫn đảm bảo năng suất ổn định.

Các công trình khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất khác (giếng khoan, giếng đào, máy bơm...): hiện nay trên địa bàn có khoảng 1600 giếng, bao gồm 800 giếng khoan và 600 giếng đào .

+ *Chỉ tiêu 3.3: Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.*

Căn cứ Quyết định số 9497/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về ban hành danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp xã giai đoạn 2021-2025. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là cây bưởi, cây bưởi phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường tiêu thụ, sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất lớn gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã và có tiềm năng mở rộng thành các vùng sản xuất trong tương lai, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của xã.

Hệ thống tưới nước tiết kiệm: hiện trên địa bàn xã người dân áp dụng đa dạng các mô hình tưới tiết kiệm trên cây trồng chủ lực như hệ thống nhỏ giọt, tưới béc phun sương...hiệu quả nhằm tiết kiệm thời gian, công sức nhưng vẫn đảm bảo năng suất ổn định. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 130,52 ha/130,52 ha (đạt 100%)

+ *Chỉ tiêu 3.4: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. Hàng năm các công trình thủy lợi trên địa bàn được duy tu, sửa chữa thường xuyên đảm bảo phục vụ tưới tiêu theo kế hoạch.*

Trên địa bàn xã không có công trình thủy lợi.

+ *Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. Hàng năm các công trình thủy lợi được kiểm kê, kiểm soát các nguồn xả thải vào công trình thủy lợi.*

Trên địa bàn xã không có công trình thủy lợi.

+ *Chỉ tiêu 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

Đảm bảo các hạng mục có: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã được củng cố tại Quyết định số 104/QĐ-UBND, ngày 16/5/2023; Quyết định số 105/QĐ-UBND, ngày 16/5/2023 về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Thạnh Phú; Quyết định số 106/QĐ-UBND, ngày 16/5/2023 về việc phê duyệt phương án phòng, tránh, ứng phó khi xảy ra thiên tai trên địa bàn xã Thạnh Phú; Quyết định số 107/QĐ-UBND, ngày 16/5/2023 về việc củng cố Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023; Kế hoạch KH số 85/KH-UBND ngày 15/5/2023 về Phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn xã Thạnh Phú năm 2023.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.4. Tiêu chí số 4 “Điện”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. (100%)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Để tiếp tục nâng chất các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, Đảng ủy, UBND xã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đạt hiệu quả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, huyện.

Hệ thống lưới điện trên địa bàn xã Thạnh Phú gồm:

+ Lưới điện cao áp: không có.

+ Lưới điện trung thế: tổng chiều dài 60.598 km (trong đó có 56.543 km trung thế 3 pha, 4.055 km trung thế 1 pha).

+ Lưới điện hạ thế: tổng chiều dài 44.586 km (trong đó có 40.045 km trung thế 3 pha, 4.541 km trung thế 1 pha).

+ 109 trạm biến áp với tổng công suất 136.615 KVA.

Hệ thống lưới điện đến thời điểm hiện nay đã được đầu tư đồng bộ, đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy và ổn định phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn xã.

UBND xã đã phối hợp với Điện lực Trị An, phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện kiểm tra đánh giá hệ thống điện gồm (trạm biến áp, lưới điện trung, hạ thế, dây dẫn điện tới công tơ và công tơ điện) hiện tại toàn bộ hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và các quy định hiện hành. Cụ thể:

Về hồ sơ pháp lý: ngày 11/09/2023 UBND xã phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng, Điện Trị An kiểm tra, rà soát xác nhận có đầy đủ hồ sơ và đang được ngành điện lưu trữ. Tuy nhiên, do số lượng hồ sơ của các công trình rất lớn nên UBND xã không phô tô đưa vào hồ sơ minh chứng và có văn bản đề nghị Điện lực Trị An xác nhận xác nhận đối với nội dung này.

Về an toàn, cung cấp, vận hành, kết cấu chịu lực và vận hành điện: Điện lực Trị An đã phối hợp kiểm tra thực tế đánh giá tất cả các hạng mục đầy đủ và đảm bảo an toàn theo quy định.

Về dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ và điện trong nhà của các hộ dân: UBND xã đã cùng các ấp căn cứ hướng dẫn số 4137/HD-SCT ngày 19/6/2023 của Sở Công thương về việc về việc thực hiện và xét công nhận tiêu chí số 4 về Điện trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 rà soát và triển khai thực hiện các nội dung nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chí được hướng dẫn. Sau khi hoàn thành, các ấp đã rà soát, có các báo cáo về tình hình triển khai thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện:

Trên cơ sở nội dung báo cáo của các ấp, UBND xã đã phối hợp với các ấp kiểm tra, đánh giá kết quả và ghi nhận: dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ và điện trong nhà của các các hộ gia đình đều có đầy đủ Bảng điện tổng (có cầu chì/aptomat, công tắc, ổ cắm được đặt cố định trên tường); dây điện có vỏ bọc, được cố định ở các vị trí phù hợp, an toàn.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: Tổng số hộ dân trên địa bàn xã (thường trú và tạm trú) là 5.380 hộ; Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 5.380 hộ, đạt 100%.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.5. Tiêu chí số 5 “Trường học”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. (100%)

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. (Đạt)

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. (Mức độ 3)

- Đạt chuẩn xóa mù chữ. (Mức độ 2)

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. (Khá)

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. (≥ 01 mô hình)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xác định giáo dục là một trong những tiêu chí then chốt trong thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, những năm qua, xã Thạnh Phú đã tập trung đồng bộ nhiều giải pháp để có bước phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục; chỉ đạo các trường lập đề án, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tu bổ, sửa chữa trường lớp đối với các trường còn lại và cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp các phòng học, phòng bộ môn, các phòng làm việc, phòng chức năng và cải tạo khuôn viên cảnh quan nhà trường.

- Các nội dung đã thực hiện:

Xã thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường so với quy định về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường chuẩn Quốc gia hiện hành. Hàng năm, các trường được đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt mục tiêu nhiệm vụ năm học, bảo quản tốt cơ sở vật chất, huy động được nhiều nguồn lực tham gia các hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, giảng dạy được đẩy mạnh mang lại hiệu quả cao. Phát huy vai trò Hội phụ huynh học sinh, xây dựng mối quan hệ tốt giữa nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc tham gia làm chuyển biến chất lượng nhà trường, góp phần tăng cường cơ sở vật chất trường học.

+ *Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

Hiện nay trên địa bàn xã có 06 trường học cấp bậc từ MN – TH – THCS, trong đó có 05/05 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đạt tỷ lệ 100% (MN Thanh Phú, TH Chu Văn An, TH Tân Phú, TH Thanh Phú và THCS Thanh Phú); 01 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (MN Hòa Mi). Nhìn chung, các trường học trên địa bàn xã Thanh Phú hàng năm, được UBND huyện và địa phương quan tâm, đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy học phục vụ mục tiêu giáo dục của địa phương, huy động được nhiều nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học.

+ *Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.*

Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Cụ thể:

Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 555/555

Trẻ học 2 buổi trên ngày: 555/555

Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 735

Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 1641, ra lớp: 1641; Tỉ lệ: 100%, trong đó trẻ học tại địa bàn là 1581 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 60 trẻ.

Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 1031 ra lớp: 741; Tỉ lệ: 71,87 %, trong đó trẻ học tại địa bàn là 698 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 43 trẻ.

Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: 0; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 01; Tỉ lệ: 100 %.

+ *Chỉ tiêu 5.2: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.*

Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và THCS mức độ 2 theo quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Cụ thể:

* Phổ cập giáo dục tiểu học:

Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 735/735 đạt 100%.

Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 2023 - 2024) là 814/850, đạt tỉ lệ 95,76%.

Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2023 - 2024): 2760/2812 đạt tỉ lệ 98,15 %. Trong đó số trẻ em 14 tuổi: 668 ; hoàn thành chương trình tiểu học: 668; Tỉ lệ 100 %.

Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở Tiểu học: 36/850 chiếm tỉ lệ 4,24 %.

Số trẻ 6-14 tuổi ngoài nhà trường: 0/6751 ; Tỉ lệ: 0 %.

Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn: 11, trong đó số trẻ khuyết tật 11-14 tuổi được tiếp cận giáo dục: 11; Tỉ lệ: 100 %.

* Phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 2129; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2023-2024): 2099; Tỉ lệ 98,59%.

Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 2098/2129; Tỉ lệ 98,54%.

Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 0/4941; Tỉ lệ 0 %, trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: 0/4941 ; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 0/4941

Số thanh, thiếu niên từ 15-18 ngoài nhà trường (cả 3 cấp): 2/2129, Tỉ lệ 0,09%.

Số lớp PCGD THCS: 0

Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 17, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 17; Tỉ lệ: 100 %.

+ *Chỉ tiêu 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ.*

Xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Cụ thể:

* Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 3849 trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: **3849**, tỉ lệ: 100 %.

Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 0, tỉ lệ: 0%.

Số người mù chữ mức độ 1: 0 người; Tỉ lệ: 0%.

Số người mù chữ mức độ 2: 0 người; Tỉ lệ: 0 %.

* Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 5875 trong đó:

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 5846, tỉ lệ: 99,51 %.

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 29, tỉ lệ: 0,49 %.

+ Số người mù chữ mức độ 1: 27 người; Tỉ lệ: 0,46 %.

+ Số người mù chữ mức độ 2: 29 người; Tỉ lệ: 0,49 %.

* Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 11,530 trong đó:

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 10906, tỉ lệ: 94,59 %.

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 624, tỉ lệ: 5,41 %.

+ Số người mù chữ mức độ 1: 522 người; Tỉ lệ: 4,53 %.

+ Số người mù chữ mức độ 2: 624 người; Tỉ lệ: 5,41 %.

+ Số lớp học động XMC: 0/0 lớp/học viên.

+ *Chỉ tiêu 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên.*

Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt theo quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu (100/100 điểm)

+ *Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.*

Hiện nay trên địa bàn xã có **02 mô hình** giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền được trang bị đầy đủ thiết bị và dụng cụ. Cụ thể:

Câu lạc bộ Bơi lội tại trường TH Thạnh Phú (Theo quyết định thành lập số 90/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND xã Thạnh Phú) với 11 thành viên. CLB hoạt động hàng tuần vào 02 ngày (thứ bảy và chủ nhật hàng tuần). Trong năm học 2023-2024 có 1440 thanh thiếu niên trong xã tham gia tập bơi, trong đó qua đánh giá có 911 em đã biết bơi. Riêng trường TH Thạnh Phú 100% các em học sinh đều được tham gia các hoạt động bơi tại trường TH Thạnh Phú. Nhìn chung các em được tham gia các hoạt động bơi, các kỹ năng phòng chống đuối nước, tham gia tập luyện đều đạt kết quả tốt.

Câu lạc bộ Thể dục Thể thao tại trường THCS Thạnh Phú (Theo quyết định thành lập số 91/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND xã Thạnh Phú) với 10 thành viên. CLB hoạt động vào tháng 10/2023 (Môn Cầu lông) và tháng 3/2024 (Môn Bóng đá). Trong năm học 2023-2024 có 73 học sinh tham gia thường xuyên các chuyên đề của câu lạc bộ. Riêng trường THCS Thạnh Phú môn cầu lông và bóng đá được lồng ghép Hoạt động của CLB thể thao với môn học Giáo dục thể chất trong chương trình học của các khối lớp, qua đó góp phần phát triển toàn diện thể chất của học sinh.

Các câu lạc bộ có đầy đủ điều kiện, cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên của CLB.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.6. Tiêu chí số 6 “Cơ sở vật chất văn hóa”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. (Đạt)

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (Đạt)

- Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới. (100%)

b) *Kết quả thực hiện:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được từ quá trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên lĩnh vực văn hóa, thực hiện hướng dẫn số 1142/ SVHTTDL-GĐ ngày 27/4/2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn sắp xếp hồ sơ tiêu chí văn hóa đối với xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn (2021-2025).

Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; khảo sát và thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Nhà Văn hóa xã, Nhà văn hóa các ấp cần sửa chữa và đầu tư, xây dựng mới. Từ đó có kế hoạch huy động các nguồn kinh phí và từ sự hỗ trợ của UBND huyện và kêu gọi xã hội hóa để tập trung đầu tư, sửa chữa.

- Các nội dung, khối lượng đã thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 6.1: Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Thạnh Phú đã được lắp đặt **15 dụng cụ** thể thao ngoài trời như đi bộ trên không, tay đôi, xà đơn, lưng eo, đạp xe, xoay eo ...và các môn thể thao khác đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể thao cho người dân như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...

Mỗi nhà văn hoá - Khu thể thao được lắp đặt tối thiểu **04 dụng cụ** thể thao ngoài trời như: Tay quay đôi, xà đơn, lưng eo, đạp xe, xoay eo....Đây vừa là trụ sở làm việc của các Ban ấp, vừa là nơi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, nơi vui chơi sinh hoạt văn hoá tinh thần chung của nhân dân trong ấp. Về cơ bản các nhà văn hoá ấp cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của các tầng lớp nhân dân tại địa phương.

Tổ chức thực hiện tốt các chỉ tiêu, hoạt động theo Quyết định 1079/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về đánh giá hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: mỗi nhà văn hóa ấp đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thu hút trên 60% tổng số dân với nhiều hoạt động như hội thi, hội diễn, biểu diễn văn nghệ; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao thu hút trên 60% tổng số dân với nhiều hoạt động như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, cờ vua,...; thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em tại các nhà văn hóa ấp, dành từ 25 - 30% thời gian để tổ chức các hoạt động cho trẻ em, trung bình mỗi nhà văn hóa thu hút từ 30 em đến vui chơi, sinh hoạt.

Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên như: Hội thi tiếng hát thanh niên công nhân, Liên hoan múa rối các Nhà thiếu nhi, giao lưu dân vũ thể thao, giải Bóng chuyền Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, giải Cờ tướng, giải bóng đá chào mừng các ngày lễ kỉ niệm trong năm.

+ *Chỉ tiêu 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định”.*

Di tích Đình Phú Trạch tọa lạc tại ấp 2 xã Thạnh Phú, được UBND tỉnh công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh vào năm 2012. Di tích có diện tích 5538.7m². Di tích được khảo tả bao gồm: Cổng đình, Bình phong, Bàn thờ thần nông, Bàn thờ chiến sĩ, Miếu thờ thần hổ, Miếu thờ ngũ hành nương nương.

Di tích thường xuyên có người trông coi và dọn dẹp, thờ cúng. Về công tác PCCC được UBND xã thực hiện tốt, trang bị 04 bình chữa cháy... phòng ngừa sự cố cháy nổ xảy ra. Về công tác phòng chống trộm cắp được ban quý tế di tích quản lý tốt, sắc thần, hồ sơ khoa học, cổ vật được bảo quản ngay tại di tích bằng nhiều lớp khóa. Tuy nhiên xung quanh di tích vẫn chưa có hàng rào bảo vệ.

Di tích được nhân dân trùng tu vào năm 2008, đến tháng 10/2023, Di tích tiếp tục được lãnh đạo các cấp quan tâm, thống nhất đề xuất bảo quản, trùng tu hạng mục Chánh điện, nhà túc, nhà bếp.

+ *Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.*

Có 7/7 ấp được công nhận giữ vững danh hiệu ấp văn hóa năm 2023, đạt tỷ lệ 100% (theo quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.7. Tiêu chí số 7 “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện:

Chợ Thạnh Phú thuộc hạng 03, địa chỉ tại Ấp 2, xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu; được xây dựng từ năm 1992. Số hộ kinh doanh cố định tại chợ: 50 hộ. Tổng diện tích mặt bằng: 1491 m².

Chợ đã thành lập Ban quản lý chợ, tại Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 22/9/2015. Các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa tại chợ được quản lý tốt, giá cả ổn định, rác thải được tập trung và thu gom đúng quy định.

Trên địa bàn xã hiện có 03 cửa hàng tiện ích Bách hóa xanh với hơn 200 mã hàng. Hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, vệ sinh ATTP được đảm bảo, không để xảy ra trường hợp bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng; cơ sở luôn chú trọng công tác phòng chống cháy nổ vì vậy không xảy ra tình trạng cháy nổ. Đáp ứng được các nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của nhân dân trên địa bàn.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.8. Tiêu chí số 8 “Thông tin và Truyền thông”

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. 100% hộ dân có sử dụng điện thoại thông minh. ($\geq 80\%$)

- Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt)

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. (Đạt)

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). (Đạt)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

UBND xã tổ chức tuyên truyền, khuyến khích nhân dân sử dụng dịch vụ viễn thông, hỗ trợ phát triển mạng lưới internet đến các ấp. Sử dụng hệ thống đài truyền thanh, hệ thống loa truyền thanh để tuyên truyền, vận động và thông báo thông tin đến các cụm loa đặt trên địa bàn xã. Thường xuyên kiện toàn Ban biên tập thông tin xã. Bên cạnh đó ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính tại Bộ phận một cửa và trong giải quyết, trao đổi công việc giữa cán bộ, công chức.

- Các nội dung và khối lượng thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.*

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, đến nay, hầu hết được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

Bưu điện Thạnh Phú có trang bị máy vi tính hoạt động ổn định và kết nối internet. Có nhân viên phụ trách việc hướng dẫn người dân khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng, App dịch vụ công của Tỉnh.

Kết quả cho thấy có nhiều ưu điểm nổi trội như tạo thuận lợi cho người dân, tiết kiệm chi phí và thời gian, công sức khi làm thủ tục. Điểm phục vụ bưu chính nhận và chuyển phát các loại hồ sơ như: hồ sơ tư pháp, giấy phép kinh doanh, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, hồ sơ BHXH, căn cước công dân, hộ chiếu, kết quả khám bệnh, hồ sơ nhà đất ... đến tận địa chỉ người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, trên địa bàn xã có 02 đơn vị vận chuyển chuyên nghiệp dành cho thương mại điện tử như: ViettelPost, Giaohangtietkiem.

+ *Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.*

Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% trên địa bàn xã, có 12.984/14.473 người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt 89,7% góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số trên địa bàn xã

+ *Chỉ tiêu 8.3: Dịch vụ báo chí, truyền thông.*

Trên địa bàn xã có 07/07 ấp (tỷ lệ 100%) có hệ thống loa truyền thanh đang hoạt động, với 51 cụm loa, thực hiện truyền thanh và tiếp âm đài truyền thanh huyện, đài tiếng nói Việt Nam và tin tức địa phương phát sóng 02 buổi/ngày (buổi sáng từ 5h30-7h, buổi chiều từ 17h30-19h)

Có 07/07 ấp trên địa bàn xã với 4.206 hộ gia đình thu xem truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet cụ thể: truyền hình vệ tinh; cáp truyền hình; truyền hình qua mạng Internet, dịch vụ người dân thường dùng là MyTV, NetTV.

Để tạo điều kiện cho người dân có các điểm vui chơi, giải trí lành mạnh, UBND xã bố trí các tủ sách công cộng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia nghiên cứu, trao đổi các nội dung quan tâm tại các điểm như: Phòng tiếp dân UBND xã, Trung tâm văn hoá thể thao - học tập cộng đồng xã, 07/07 nhà văn hoá ấp, 05/05 điểm thư viện tại các trường học trên địa bàn xã; Ngoài ra tại các điểm đọc sách công cộng đều mắc Wifi miễn phí tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vui chơi, tra cứu, tìm hiểu các thông tin liên quan cần thiết. Kết quả các điểm đọc sách miễn phí cung cấp trên 1000 đầu sách, hàng năm thu hút hơn 1900 lượt người đến nghiên cứu, tìm hiểu, trao đổi thông tin trên các lĩnh vực tại trung tâm văn hóa xã.

+ *Chỉ tiêu 8.4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.*

UBND xã có cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình trên phần mềm một cửa điện tử. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/7/2024 UBND xã Thạnh Phú đã giải quyết (được tiếp nhận trực tiếp và trực tuyến) của các dịch vụ công toàn trình và một phần là 1.268 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết (được tiếp nhận trực tuyến) của DVCTT toàn trình, một phần: 646 hồ sơ; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến của xã là 646/1268 hồ sơ, tỷ lệ 50,94%.

Có 19/19 cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin; Có 12.984/14.473 người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt 89,7%

Phối hợp với Phòng KTHT huyện và Sở Công thương hỗ trợ các hộ kinh doanh đưa sản phẩm lên Sàn thương mại điện tử của tỉnh để cung ứng thị trường và hỗ trợ đăng ký sản phẩm OCOP. Hiện nay, xã Thạnh Phú có 02 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP là sản phẩm bưởi da xanh Năm Hồng và bưởi đường lá cam Cô Ba Chuyên. Các sản phẩm trên đã được quảng bá trên các sàn thương mại điện tử và các trang mạng xã hội.

+ *Chỉ tiêu 8.5: Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng.*

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tra cứu, truy cập thông tin trên môi trường mạng được thuận lợi. UBND xã đã triển khai Wifi miễn phí tại Bộ phận 01 cửa - UBND xã, Trung tâm Văn hoá Thể thao - Học tập cộng đồng xã, Nhà Văn hóa 07/07 áp để phục vụ người dân.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.9. Tiêu chí số 9 “Nhà ở dân cư”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố. (99%)

b) *Kết quả thực hiện:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

UBND tiến hành niêm yết công khai Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nay gọi là quy hoạch chung) của xã tại trụ sở UBND xã để người dân biết thực hiện; Hàng năm UBND xã triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đúng quy định và đầu tư xây dựng các công trình thực hiện đúng các thủ tục, không để xảy ra các trường hợp xây dựng sai quy hoạch trên địa bàn xã.

- Các nội dung thực hiện:

Hiện xã có 5.380/5380 căn nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (đạt chuẩn Bộ xây dựng) đạt tỷ lệ 100%.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.10. Tiêu chí số 10 “Thu nhập”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Thu nhập bình quân đầu người/năm: Năm 2021 \geq 72; Năm 2022 \geq 76; Năm 2023 \geq 80; Năm 2024 \geq 84; Năm 2025 \geq 88;

b) *Kết quả thực hiện:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

UBND xã Thạnh Phú đã ban hành Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 thành lập Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ điều tra thu nhập bình quân đầu người năm 2024 và Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 V/v thành lập 07 tổ điều tra thu nhập bình quân đầu người năm 2024 trên địa bàn xã Thạnh Phú và xây dựng Kế hoạch số 52/KH- UBND ngày 20/6/2024 về Điều tra thu nhập bình quân đầu người xã Thạnh Phú năm 2024.

Công tác lập Bảng kê được triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn 07 ấp, thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/6/2024. Thời kỳ thu thập thông tin và điều tra từ ngày 01/07/2024 đến ngày 15/7/2024.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Lĩnh vực trồng trọt: xã đã tập trung chỉ đạo các biện pháp phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương như: chú trọng áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả kinh cao. Nhìn chung diện tích đất nông nghiệp được sử dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng giá trị thu nhập cho người dân.

+ Về lĩnh vực chăn nuôi: Hoạt động chăn nuôi trong thời gian qua cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo an toàn sinh học, từng bước phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

+ Về công tác phát triển tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ: Trên địa bàn xã hiện có 1.368 cơ sở kinh doanh. Hoạt động các công ty, sơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã ổn định, giải quyết nhu cầu lao động, tiếp tục duy trì, phát triển hoạt động thương mại dịch vụ ở địa phương

+ Về lĩnh vực thương mại trên địa bàn xã có 01 chợ loại III, đang kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã và khu vực lân cận. Ngoài ra các dịch vụ giao thông vận tải, tín dụng ngân hàng, dịch vụ bưu chính - viễn thông, y tế trên địa bàn xã đều phát triển mạnh, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương trong những năm qua.

+ Qua điều tra bằng phương pháp Capi, Thu nhập bình quân NKTTTT/năm của xã > 84(triệu đồng/người/năm).

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.11. Tiêu chí số 11 “Hộ nghèo”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của Trung ương ban hành) ($\leq 0,3\%$)

b) *Kết quả thực hiện:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Đảng ủy, UBND xã tập trung mọi nguồn lực thực hiện giảm nghèo bền vững; thường xuyên quan tâm và thực hiện tốt việc tổ chức truyền thông chương trình giảm nghèo, tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo xã và thực hiện tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch tiến hành điều tra khảo sát hộ nghèo vào cuối năm đảm bảo đúng, không bỏ sót đối tượng. Phối hợp với Ban vận động quỹ “vì người nghèo” của xã tiếp tục vận động tập thể và cá nhân ủng hộ xây dựng nhà tình thương, sửa chữa cho những hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở. Tăng cường công tác tín dụng ưu đãi hộ nghèo, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vay vốn đầu tư kịp thời cho hộ nghèo sản xuất kinh doanh đúng thời vụ. Kết hợp hội LHPN, hội nông dân xã củng cố các tổ vay vốn nhằm quản lý, hướng dẫn hộ nghèo và vượt nghèo sử dụng các nguồn vốn vay có hiệu quả không để tái nghèo.

- Kết quả thực hiện:

Căn cứ kết quả rà soát cuối năm 2023 xã Thạnh Phú không có hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều chuẩn trung ương (tỷ lệ 0%).

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.12. Tiêu chí số 12 “Lao động”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 85\%$)

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ($\geq 35\%$)

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn ($\geq 50\%$)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Sau khi xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới, xác định mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, làm cho bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới. Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và không ngừng nâng cao trình độ và tay nghề cho người lao động trên địa bàn xã.

Hàng năm UBND xã triển khai điều tra, rà soát biến động cung cầu lao động trên địa bàn xã, lập danh sách người trong độ tuổi lao động có mặt tại địa phương, số lao động chưa có việc làm thường xuyên, chưa qua đào tạo để có kế hoạch đào tạo, giới thiệu việc làm cho người lao động. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về các chính sách hỗ trợ của nhà nước, vận động lao động chưa qua đào tạo đăng ký học nghề. Từ đó, trình độ kỹ thuật của người dân không ngừng tăng lên, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện:

UBND xã tổ chức họp triển khai kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 24/01/2024 của UBND xã Thạnh Phú về việc điều tra cung lao động năm 2024 cho các điều tra viên của 7 ấp, điều tra viên có nhiệm vụ điều tra, thu thập, cập nhật biến động thông tin của các hộ thuộc ấp do mình phụ trách điều tra vào sổ ghi chép. Lập bảng danh sách tổng hợp các hộ có biến động trong ấp do mình phụ trách điều tra. Lập bảng tổng hợp số liệu theo biểu mẫu kèm theo Thông tư 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi về UBND xã. UBND xã lập bảng tổng hợp số liệu theo biểu mẫu kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổng hợp nhanh kết quả điều tra cập nhật biến động từ các ấp gửi về UBND xã và phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. Theo dõi sổ ghi chép từng ấp; nghiệm thu kết quả điều tra cập nhật biến động theo từng ấp, làm sạch, tổng hợp nhanh kết quả trước khi bàn giao về phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện.

+ *Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).*

Số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát): 14.473 người.

Số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, trên địa bàn xã được đào tạo, có kỹ năng nghề: 12.382 người.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm, hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu và được đào tạo, có kỹ năng nghề so với Lực lượng lao động là gồm những người từ đủ 15

tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát): Có 12.382/14.473 lao động qua đào tạo (đạt 85,55%)

+ *Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát): 14.473 người.

Số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 8.007 người.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ được xác định bằng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ so với lực lượng lao động: Có 8.007/14.473 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (đạt 55,32%)

+ *Chỉ tiêu 12.3: Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.*

Chỉ tiêu này đã được Chính phủ bãi bỏ tại khoản 3 trong Phụ lục II sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 211/2024/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, có hiệu lực từ ngày 01/03/2024. Vì vậy không đánh giá chỉ tiêu này

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.13. Tiêu chí số 13 “Hình thức tổ chức sản xuất”.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định (≥ 1)

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn (≥ 01 sản phẩm)

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. (≥ 01 mô hình)

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. (≥ 01 sản phẩm)

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. (10%)

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. (Đạt)

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. (Đạt)

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). (≥ 01 mô hình)

- Xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình triển khai thực hiện:

Trong thời gian qua UBND xã đẩy mạnh công tác triển khai, tuyên truyền các biện pháp nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động sản xuất, kinh doanh nông sản trên địa bàn xã, hướng dẫn các cơ sở trồng trọt, áp dụng quy trình sản xuất an toàn thực phẩm, phát triển nhân rộng mô hình áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do đó đã đạt được một số kết quả như cơ cấu cây trồng từng bước chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng, hiệu quả và nâng cao giá trị, gắn sản xuất với thị trường, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn và chịu trách nhiệm về ATTP đối với các sản phẩm của mình.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 13.1: Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.*

Trên địa bàn xã Thạnh Phú có 01 Hợp tác xã Bình Thạch và 01 Quỹ tín dụng nhân dân. Qua kiểm tra, đánh giá kết quả cả 02 đơn vị trên đều hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật hợp tác xã, đạt theo yêu cầu của Hướng dẫn số 79/LM-VP ngày 14/3/2023 của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai

HTX Bình Thạch có khoảng 28 thành viên và tạo điều kiện việc làm cho khoảng 60 công nhân viên có thu nhập từ 8 đến 15 triệu đồng/tháng. Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2022 là 37.710.007.581 đồng; năm 2023 là 34.933.569.151 đồng.

Quỹ tín dụng Nhân dân Bình Phú có khoảng 12 công nhân viên, thu nhập bình quân 10 triệu/tháng. Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2021 là 309.276.194 đồng; năm 2022 là 118.286.535 đồng; năm 2023 là 276.380.045 đồng.

+ *Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.*

Trên địa bàn xã Thạnh Phú hiện có 02 sản phẩm OCOP với mức độ 03 sao, cụ thể:

* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cô Ba Chuyên.

Sản phẩm: Trái bưởi đường lá cam.

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Hồng Quyên

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 21/05/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

* Hộ kinh doanh: Sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng.

- Sản phẩm: Trái bưởi da xanh.

- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Hồng Chức vụ: Chủ vườn.

- Địa chỉ: ấp 6, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định số 3903/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

+ *Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.*

Xã Thạnh Phú có 01 hộ sản xuất và kinh doanh bưởi Năm Hồng (ấp 6, xã Thạnh Phú) được đánh giá là một trong những người nông dân tiêu biểu của địa phương. Với diện tích khoảng 4.200m² được ông Nguyễn Văn Hồng trồng 02 loại bưởi gồm có bưởi da xanh và bưởi đường lá cam (Trong đó: trái bưởi da xanh được công nhận OCOP 3 sao theo QĐ số 3903/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu). Trong nhiều năm qua, ông luôn có hướng dẫn, hỗ trợ các thành viên trong Tổ hợp tác Hương Bưởi sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn, ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ, các chế phẩm sinh học, men vi sinh IMO trong sản xuất; đồng thời ông cũng trang bị trên 100% diện tích đất trồng bưởi của gia đình hệ thống tưới tiết kiệm và hệ thống tưới tự động, giúp giảm công phun, tưới và góp phần tích cực vào việc quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước.

Việc ông Hồng áp dụng hệ thống tưới tự động, có thể điều khiển qua điện thoại được đánh giá là có sáng tạo, đầu tư, biết áp dụng các hệ thống tiên tiến vào canh tác nông nghiệp. Chỉ với chiếc điện thoại được kết nối mạng, ông có thể bật/tắt hệ thống tưới qua ứng dụng Hunonic dù đang ở bất kì đâu. Ngoài ra còn có thể tự cài đặt giờ bật/tắt hệ thống tưới theo thời gian đã được lập trình sẵn trên ứng dụng điện thoại và theo dõi qua hệ thống camera gắn xung quanh vườn, nhờ đó ông có thể nhận biết tình trạng, lượng nước để có phương án tưới cho phù hợp.

Đồng thời vườn bưởi của ông 100% sử dụng phân bón hữu cơ, các loại chế phẩm sinh học giúp giảm thiểu thuốc hóa học, giảm chi phí đầu vào, tăng chất lượng sản phẩm, sản phẩm làm ra có vị ngon, ngọt, đảm bảo an toàn thực phẩm nên được bán với giá cao hơn thị trường từ 5.000 đến 10.000đ/kg so với các sản phẩm bưởi từ nơi khác. Hiện ông Nguyễn Văn Hồng cũng đã đăng ký mã QR truy xuất nguồn gốc giúp khách hàng có thể kiểm tra quy trình trồng, thời gian bón và loại phân được bón nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm.

+ *Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.*

Trên địa bàn xã có 01 sản phẩm chủ lực là cây bưởi (Căn cứ theo Quyết định 9497/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện về việc Ban hành danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2021 – 2025). UBND xã đã phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai, hỗ trợ cho các thành viên THT Hương Bưởi thực hiện ứng dụng chuyển đổi số, hỗ trợ mã QR truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm là cây bưởi.

Khi quét mã QR sẽ hiện rõ thông tin trồng và chăm sóc cây, quá trình phun thuốc và loại thuốc được sử dụng. Điều này giúp cho người mua sản phẩm xoài thấy rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm và quá trình chăm sóc sản phẩm, giúp người thu mua sản phẩm tin tưởng hơn về sản phẩm của địa phương.

+ *Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.*

Hiện tại trên địa bàn xã Thạnh Phú có 02 sản phẩm là trái bưởi da xanh và trái bưởi đường lá cam của Cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng đăng ký tham gia gian hàng trên website <http://www.ecdn.vn> của Sở Công thương tỉnh Đồng Nai đem lại nguồn đầu ra cho cơ sở. Trong đó, sản phẩm trái bưởi da xanh của cơ sở đạt chứng nhận OCOP 3 sao, đáp ứng nhu cầu cung cấp sản phẩm sạch cho khách hàng.

+ *Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.*

Trên địa bàn xã Thạnh Phú có 01 vùng nguyên liệu tập trung tại ấp 6 với cây trồng là bưởi. Đây được xem là một trong các định hướng quan trọng cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của xã trong giai đoạn mới.

+ *Chỉ tiêu 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

Xã thành lập 01 trang Fanpage **“Du lịch Xã Thạnh Phú – Vĩnh Cửu, Đồng Nai”** trên mạng xã hội Facebook quảng bá các điểm du lịch trên địa bàn xã và huyện. Đối với việc quảng bá du lịch trên địa bàn xã chỉ đăng tải các tin về địa điểm ăn uống, các cơ sở có sản phẩm OCOP, khu di tích lịch sử cấp tỉnh, ... cụ thể:

Du lịch văn hóa – lịch sử: Trên địa bàn xã có 01 di tích lịch sử cấp tỉnh (Đình Phú Trạch), trong năm 2023 có hơn 1000 lượt khách tham quan, chủ yếu là học sinh tại các trường học trên địa bàn xã.

Du lịch sinh thái - nông nghiệp: Du lịch nông nghiệp chủ yếu là hoạt động của vườn bưởi da xanh của ông Nguyễn Văn Hồng (Địa chỉ: Ấp 6, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Tại đây du khách được thưởng thức không gian vườn bưởi, được áp dụng men vi sinh vật bản địa IMO, MEVI, chế phẩm sinh học khác... với phụ phế phẩm nông nghiệp để làm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học) phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Trong năm 2023, có 1.200 lượt khách tham quan trong và ngoài tỉnh đến tham quan và học hỏi kinh nghiệm.

+ *Chỉ tiêu 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).*

Trên địa bàn xã có 01 mô hình “Trồng bưởi da xanh: đạt chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao, với diện tích mô hình 4.200m², với 04 thành viên tham gia. Cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 47D8009956 do phòng Tài chính & Kế hoạch huyện Vĩnh

Cửu cấp ngày ngày 16/8/2022. Thời gian qua, cơ sở luôn từng bước triển khai thực hiện mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị. Lĩnh vực sản xuất của cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng là trái bưởi và các sản phẩm từ bưởi. Trong đó, sản phẩm bưởi da xanh của cơ sở được công nhận OCOP 3 sao theo QĐ số 3903/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và Cấp giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm huyện Vĩnh Cửu đợt 1 năm 2023. Thông qua việc sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn, đạt chứng nhận sản phẩm OCOP, các sản phẩm của cơ sở đã tạo được lòng tin cho người tiêu dùng trong thời gian qua, đã dần tiếp cận được với các khách hàng trong địa phương, giúp cho đầu ra của sản phẩm được ổn định, giá bán sản phẩm cao hơn (từ 2.000 – 5.000 đồng/kg) so với sản phẩm được sản xuất thông thường, góp phần nâng cao thu nhập cho cơ sở. Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, năm 2023 tổng doanh thu của cơ sở là 517.500.000 đồng (tăng 30.900.000 đồng so với năm 2022).

Ngoài ra, trong quá trình canh tác, cơ sở còn thuê các thành viên trong gia đình để thực hiện các khâu chăm sóc vườn, tạo thêm nguồn thu nhập cho các thành viên. Quá trình hoạt động, cơ sở sản xuất kinh doanh bưởi Năm Hồng có hợp đồng thu gom rác thải để vận chuyển thu gom rác, có báo cáo công tác bảo vệ môi trường và có xác nhận không gây ô nhiễm môi trường do UBND xã xác nhận. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp canh tác tiên tiến, hạn chế và sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học đã góp phần đảm bảo đáp ứng các quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV, giới hạn ô nhiễm kim loại nặng. Thông qua việc sản xuất theo hướng hữu cơ và tiêu chuẩn an toàn đã nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe cho người sản xuất, người tiêu dùng, không gây ô nhiễm môi trường trong khu vực sản xuất, đất đai ngày càng màu mỡ, tạo tiền đề là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch sinh thái và phát triển thêm kênh tiêu thụ sản phẩm phục vụ du lịch trên địa bàn huyện.

+ *Chỉ tiêu 13.9: Xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận.*

Nhận thức được tầm quan trọng, lợi ích việc xây dựng nhãn hiệu và bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm, UBND xã đã chủ động tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình cá nhân thuộc địa phương thông qua hệ thống phát thanh xã 2 lần/tuần với mỗi lần 20 phút; đồng thời lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo tập huấn của xã. Qua quá trình triển khai, trên địa bàn xã đã có 01 đơn vị nộp hồ sơ đăng ký nhãn hiệu (Công ty TNHH Cô Ba Chuyên) và Cục sở hữu trí tuệ đã chấp nhận đơn hợp lệ (Quyết định số 70029/QĐ-SHTT ngày 12/8/2022).

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.14. Tiêu chí số 14: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$.
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đảng ủy, UBND xã đã cụ thể hóa văn bản chỉ đạo của các cấp, xây dựng, ban hành các văn bản về công tác vận động nhân dân thực hiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên lĩnh vực y tế phù hợp với tình hình thực tế của địa phương cụ thể.

Hàng năm, UBND xã tham mưu cho Đảng ủy xã xây dựng Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia BHYT, xây dựng và triển khai kế hoạch của UBND xã về tập trung vận động BHXH, BHYT. Tham mưu Đảng ủy xã tiếp tục tổ chức quán triệt cho đảng viên các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Bảo hiểm y tế, ý nghĩa của Bảo hiểm y tế toàn Dân, đề cộng đồng cùng chia sẻ rủi ro, bảo đảm công bằng và bền vững của hệ thống. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đại lý thu Bảo hiểm y tế, công tác viên tuyên truyền, phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện tiếp tục mở các đại lý bảo hiểm y tế. Thực hiện các thủ tục kê khai mua bảo hiểm y tế nhanh, kịp thời đúng quy định của Nhà nước. Đặc biệt, chú trọng đến công tác gia hạn bảo hiểm y tế hàng năm cho người dân ngay từ đầu năm đảm bảo duy trì những người dân đã tham gia BHYT. Phối hợp Trạm Y tế xã tổ chức tuyên truyền về Bảo hiểm y tế toàn dân, đẩy mạnh hoạt động của đội ngũ công tác viên Y tế thôn ấp trong công tác tuyên truyền vận động người Dân tham gia Bảo hiểm Y tế.

- Khối lượng thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 14.1: Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế.*

Tỷ lệ người dân (thường trú và tạm trú) tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã Thạnh Phú, đến ngày 31/5/2024 (theo thống kê số liệu dân cư của Công an huyện) là 36.632/19.434 (đạt tỷ lệ 188,4%)

Tỷ lệ người dân (thường trú và tạm trú) tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã Thạnh Phú, đến ngày 31/5/2024 (theo thống kê số liệu dân cư của Chi cục thống kê huyện) là 36.632/39411 (đạt tỷ lệ 92,9%)

+ *Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).*

Trạm Y tế đã bố trí cán bộ, phụ trách công tác quản lý và theo dõi sức khỏe người dân trên địa bàn và trực tiếp sử dụng phần mềm quản lý, bố trí lịch

trực trực tuyến trên phần mềm, đảm bảo 100% sự tương tác tư vấn từ xa của người dân được phản hồi trên hệ thống. Căn cứ các thông tin có từ cơ sở dữ liệu dân số, bảo hiểm xã hội và thông qua công tác khám sức khỏe cho người dân, Trạm Y tế đã xác định những thông tin cơ bản về tình trạng sức khỏe, bệnh tật đưa vào hồ sơ quản lý sức khỏe của từng cá nhân trên phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe. Thực hiện cập nhật, bổ sung các thông tin y tế có sẵn đang được quản lý tại Trạm y tế như: Tiêm chủng mở rộng; phòng, chống suy dinh dưỡng; khám và quản lý sức khỏe người cao tuổi; khám và quản lý thai nghén... vào hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân.

Tính đến tháng 06/2024, toàn xã có 18.925/19.434 người được quản lý sức khỏe đạt 97,3%.

+ Chỉ tiêu 14.3: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

Thực hiện theo hướng dẫn tạm thời của Sở y tế, Trạm Y tế tuyên truyền và hướng dẫn người dân đến khám, chữa bệnh cài đặt và sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử Ourhealth, đồng thời các viên chức Trạm Y tế cài đặt ứng dụng Ourhealth Doctor để liên kết với người bệnh có nhu cầu tư vấn sức khỏe từ xa. Lập tổ công nghệ cộng đồng hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng Ourhealth khám chữa bệnh và tư vấn sức khỏe từ xa.

Đài truyền thanh xã thường xuyên phát thanh, tuyên truyền, vận động người dân tham gia cài đặt và sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử Ourhealth cho cá nhân và các thành viên trong gia đình. Các Ban ấp tuyên Truyền, vận động người dân trong ấp mình quản lý tích cực tham gia cài đặt ứng dụng sổ sức khỏe điện tử Ourhealth. Treo băng rôn tuyên truyền tại trụ sở UBND xã, Trường học, Trạm Y tế, chợ, khu dân cư nhằm tuyên truyền, vận động người dân tham gia cài đặt và sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử Ourhealth cho cá nhân và các thành viên trong gia đình.

Kết quả thực hiện: Từ tháng 10/2023 đến 31/12/2023 tư vấn được 159 ca (Tư vấn dự phòng 80 ca; Tư vấn điều trị 79 ca). Từ tháng 01/2024 đến 30/04/2024 tư vấn được 148 ca (Tư vấn dự phòng 72 ca; Tư vấn điều trị 76 ca). Từ tháng 10/2023 đến 30/04/2024 thực hiện cài đặt app Ourhealth 140 người.

+ Chỉ tiêu 14.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.

UBND xã đã chỉ đạo Ban nhân dân các ấp phối hợp với UB. MTTQ, các đoàn thể xã cùng với các tổ nhân dân tăng cường tuyên truyền, vận động người dân cài đặt ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử của Bộ y tế. Trạm y tế thành lập tổ tư vấn sức khỏe và hướng dẫn người dân đến khám bệnh cài đặt ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, treo băng rôn, áp phích tại Trạm y tế để bệ người dân cài đặt phần mềm ourhealth để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử và đặt lịch khám chữa bệnh từ xa. Qua đó giúp người dân có được một cuốn sổ khám sức khỏe cả đời được kết nối trực tiếp với Hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân của Bộ y tế, giúp họ được chăm sóc sức khỏe toàn diện và liên tục; phát hiện bệnh sớm, thời gian

điều trị bệnh sẽ ngắn và việc điều trị cũng bớt khó khăn hơn, giảm bớt được chi phí điều trị chữa bệnh cho người dân.

Tiếp tục tuyên truyền, kêu gọi người dân trên địa bàn xã tích cực lập mã định danh mức độ 2. Đã triển khai và tiếp tục duy trì việc tuyên truyền, hỗ trợ cài đặt, hướng dẫn sử dụng app VneID cho người dân trên địa bàn xã

Tính đến nay trên địa bàn xã có 17.721/19434 người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt tỷ lệ 91,18 %.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công (Đạt)

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. (Đạt)
- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên. (Đạt)
- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Ngay từ đầu năm 2023, UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 30/01/2023 về Cải cách hành chính xã Thạnh Phú năm 2023. Đồng thời quán triệt, triển khai lồng ghép Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh, huyện, xã đến toàn thể cán bộ, công chức trong các cuộc họp, trên hệ thống loa truyền thanh. Từ đó định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, các công việc cần phải thực hiện về công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã trong năm 2023. Trên cơ sở đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành và cán bộ, công chức đảm bảo cho công tác cải cách hành chính được thực hiện có hiệu lực, hiệu quả cao. Bên cạnh đó, UBND xã đã ban hành và triển khai các Kế hoạch liên quan đến công tác Cải cách hành chính trên địa bàn như: kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 31/01/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật năm 2023; Kế hoạch số 38/KH- UBND ngày 24/02/2023 về thông tin tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn xã năm 2023; Kế hoạch số 23/KH- UBND ngày 08/02/2023 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 28/02/2023 về theo dõi thi hành pháp luật 2023; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 06/02/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023.

- Khối lượng thực hiện:

Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được từ quá trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 và tiếp tục xây dựng xã đạt chuẩn nông

thôn mới nâng cao năm 2024; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại cơ quan đạt hiệu quả cao, các phần mềm hành chính được áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực như: ứng dụng chứng thư số, chữ ký số, phần mềm I-Office, phần mềm BHXH, phần mềm tài chính, đất đai, hộ tịch, quản lý nhân sự, phần mềm một cửa điện tử Egov, hệ thống thư điện tử công vụ ... đem lại hiệu quả trong công tác quản lý điều hành, trong quản lý văn bản đến, đi điện tử; trong xử lý hành chính, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ cho công dân.

+ *Chỉ tiêu 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.*

UBND xã đã sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (phần mềm Một cửa điện tử) trong công tác giải quyết thủ tục hành chính của xã. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC đúng và trước hạn đạt từ 99% trở lên (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/11/2023). Cụ thể: Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (được tiếp nhận trực tiếp và trực tuyến): 18.292 hồ sơ, đã giải quyết 18.215 hồ sơ (đúng hạn 18.107 hồ sơ; trễ hạn do huyện: 108 hồ sơ), đang trong hạn giải quyết 77 hồ sơ.

+ *Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.*

UBND xã có cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình trên phần mềm một cửa điện tử. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/7/2024 UBND xã Thạnh Phú đã giải quyết (được tiếp nhận trực tiếp và trực tuyến) của các dịch vụ công toàn trình và một phần là 1.268 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết (được tiếp nhận trực tuyến) của DVCTT toàn trình, một phần: 646 hồ sơ; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến của xã là 646/1268 hồ sơ, tỷ lệ 50,94%.

+ *Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

Về kiểm soát thủ tục hành chính: UBND xã đã tổ chức niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính, Bộ thủ tục hành chính, Bộ hồ sơ mẫu, số điện thoại tổng đài 1022. Hộp thư góp ý được đặt trước cửa “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” xã; Lắp đặt Camera giám sát cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ mẫu để công dân tham khảo nên việc tiếp cận và hiểu về thủ tục hành chính cấp xã đối với công dân ngày càng rõ hơn trong quá trình đi làm hồ sơ, giảm số lượng hồ sơ bổ sung.

Trong năm 2023 UBND xã không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Việc thực hiện cơ chế một cửa tại UBND xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện cải cách hành chính và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ đảm bảo: 100% hồ sơ thực hiện đúng quy định. Nhìn chung về cơ bản người dân hài lòng đối với cách phục vụ của cán bộ, công chức. 100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, luân chuyển và trả kết quả. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính trong năm được đánh giá trên 100% (theo kết quả thống kê khảo sát của Sở Nội vụ).

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.16. Tiêu chí số 16 “Tiếp cận pháp luật”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận. (≥ 01 mô hình)

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành. ($\geq 90\%$)

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu ($\geq 90\%$)

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

UBND xã thực hiện tự đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư Pháp về việc hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Năm 2023, xã Thạnh Phú được UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 về việc công nhận xã, Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

- Khối lượng thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.*

Hiện UBND xã đang triển khai thực hiện mô hình “Hội phụ nữ phổ biến tuyên truyền pháp luật” và Mô hình “Hội phụ nữ với hoạt động công tác hòa giải tại cơ sở”. Ngày 29/05/2023, UBND xã ban hành Văn bản số 269/UBND của UBND xã về việc huy động nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Kết quả huy động được 4 cơ sở hoạt động trên địa bàn hỗ trợ với tổng số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật năm 2023. Các mô hình trên hoạt động đạt hiệu quả cao, được UBND huyện ban hành Văn bản số 9482/UBND ngày

29/12/2023 về việc công nhận, khuyến khích nhân rộng mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Sau thời gian hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt hiệu quả, được UBND huyện ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 về việc khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Được UBND huyện tặng giấy khen.

+ *Chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.*

Trong năm các tổ hòa giải ở cơ sở thực hiện hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân được 01 vụ. Kết quả hòa giải thành 01/01 vụ, đạt tỷ lệ 100% hòa giải thành.

UBND xã ban hành Quyết định củng cố, kiện toàn 07 tổ hòa giải của các ấp trên địa bàn xã theo đúng thành phần, tiêu chuẩn quy định. 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở: Trong năm 2023, UBND xã Thạnh Phú đã thực hiện chi hỗ trợ cho 07/07 tổ hòa giải với số tiền 8.400.000 đồng (100%); thực hiện chi thù lao cho hòa giải viên 200.000 đồng/1 vụ việc hòa giải (100%); Chi tiền mua văn phòng phẩm hỗ trợ tổ hòa giải năm 2023 với số tiền 4.200.000 đồng.

Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải: Trong năm 2023, UBND xã chỉ đạo, phối hợp với công chức có trình độ đại học Luật đang công tác tại xã (UBND, Công an, các ban ngành của xã) hỗ trợ các tổ hòa giải trong áp dụng pháp luật đối với từng vụ việc cụ thể và hỗ trợ các tổ hòa giải giải quyết các vụ việc hòa giải phức tạp.

+ *Chỉ tiêu 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.*

UBND xã thông báo cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý như đối tượng người có công cách mạng, người thuộc hộ nghèo, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người bị buộc tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.... được trợ giúp pháp lý miễn phí khi có yêu cầu. Trong năm tại UBND xã không có người thuộc đối tượng được trợ giúp đến đăng ký trợ giúp.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.17. Tiêu chí số 17 “Môi trường”

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. (Đạt)

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. (100%)

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. (100%)

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả. ($\geq 100\%$)

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (đạt $\geq 50\%$).

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. (100%)

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ($\geq 80\%$)

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ($\geq 95\%$)

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch. (Đạt)

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$)

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (đạt $\geq 4m^2$ /người).

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hàng năm chỉ đạo tổ chức xây dựng các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về công tác bảo vệ môi trường, tổ chức và phối hợp với ngành kiểm tra giám sát các đợt tuyên truyền đối với các hộ chăn nuôi heo, cơ sở giết mổ gia súc nhỏ lẻ trên địa bàn xã, hướng dẫn các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc thực hiện đúng quy định về Luật chăn nuôi thú y và Luật bảo vệ môi trường. UBND xã ban hành UBND xã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 10/04/2023 Thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn xã Thạnh Phú; ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 06/03/2023 triển khai tổng kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở y tế và hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Thạnh Phú; thành lập tổ kiểm tra việc chấp hành bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; UBND xã Phát động ra quân dọn vệ sinh,

thu gom xử lý rác thải tại khu dân cư; đồng thời tổ chức kiểm tra các trang trại chăn nuôi, cơ sở kinh doanh trên địa bàn về công tác xử lý chất thải. Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu về việc triển khai Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 31/10/2022 của ban chấp hành đảng bộ huyện (khóa XI) về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; xử lý chất thải thực phẩm bằng phương pháp sử dụng vi sinh vật bản địa trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu. Đảng ủy xã đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-ĐU ngày 14/11/2022 của Đảng ủy xã Thạnh Phú về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; xử lý chất thải thực phẩm bằng phương pháp sử dụng vi sinh vật bản địa trên địa bàn xã quán triệt đến các chi bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã, các đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong xã. Thông qua Nghị Quyết của Đảng ủy xã UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 21/11/2022 về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn xử lý chất thải thực phẩm bằng phương pháp sử dụng vi sinh vật bản địa trên địa bàn xã Thạnh Phú.

- Kết quả và khối lượng thực hiện:

+ *Chỉ tiêu 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.*

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 06/3/2024 về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở y tế và hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Thạnh Phú. Đã tổ chức kiểm tra 21 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã và 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm. Hầu hết các doanh nghiệp và cơ sở đang hoạt động trên địa bàn đều nhận thức được vấn đề bảo vệ môi trường là rất quan trọng và cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã, nên đã thực hiện tốt theo quy định.

+ *Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.*

Trên địa bàn xã Thạnh Phú không có làng nghề và cơ sở nuôi trồng thủy sản.

Có 21/21 đối tượng cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%.

Về công tác xử lý chất thải: Các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp, cơ sở trên địa bàn xã đều được thu gom, lưu giữ và bàn giao (hợp đồng) với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với từng loại chất thải cụ thể như: sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

Nước thải: Các cơ sở trong quá trình hoạt động đã chú trọng công tác bảo vệ môi trường, chủ động xây dựng các công trình để xử lý, thực hiện đầy đủ các cam kết đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận để làm giảm thiểu tác động vào môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Về kê khai nộp phí bảo vệ môi trường: Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đã thực hiện đầy đủ việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

+ *Chỉ tiêu 17.3: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.*

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Tổng số hộ dân: 5.380 hộ. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ 5.380 hộ (21.029 nhân khẩu) là 10.514,5 tấn/ngày (tương đương 3.837.792,5 tấn/năm).

Đã hợp đồng thu gom 5380 hộ/5380 hộ, trang bị các thùng rác dọc các tuyến đường chính, rác thực phẩm, rác tái chế cam kết xử lý theo hướng dẫn địa phương, đạt tỷ lệ 100%.

* Chất thải rắn không nguy hại:

Phát sinh từ 21 cơ sở sản xuất kinh doanh và 11 cơ sở y tế: 45,32 tấn/năm (124,2kg/ngày), được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, với khối lượng được thu gom, xử lý là 45,32 tấn/năm, đạt 100%.

Phụ phẩm trồng trọt (từ 323 cơ sở trồng trọt với diện tích 288,6ha), trong đó có các loại cây có phát sinh phụ phẩm lớn như bắp, bưởi, cam, mía; khối lượng phụ phẩm phát sinh là 889,8 tấn/năm; khối lượng phụ phẩm được thu gom, xử lý đúng quy định 806,7 tấn/năm với các biện pháp chủ yếu như dùng máy băm nhỏ và sử dụng men vi sinh bản địa IMO, MEVI xử lý làm phân bón hữu cơ cho cây trồng, ủ phân, làm thức ăn gia súc, cày vùi hoặc che phủ gốc cây, một số còn lại được thu gom chung với rác sinh hoạt chuyển giao cho đơn vị thu gom.

Phụ phẩm chăn nuôi (từ 48 cơ sở, chăn nuôi), khối lượng chất thải phát sinh gồm nước thải 255,8m³/năm và chất thải rắn 228,49 tấn/năm; 100% khối lượng chất thải hữu cơ được thu gom, xử lý tái sử dụng với các biện pháp như sử dụng biogas, ủ phân, tưới cây, thu gom làm phân hữu cơ.

Tỷ lệ CTR không nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%.

+ *Chỉ tiêu 17.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.*

Qua điều tra khảo sát số hộ dân trên địa bàn xã về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Kết quả có 5380/5380 hộ có nhà tiêu, nhà tắm đảm bảo có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại, không có trường hợp để nước thải sinh hoạt chảy tràn ra bề mặt hoặc đường giao thông (đạt tỷ lệ 100%).

+ *Chỉ tiêu 17.5: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.*

Xã Thạnh Phú hiện nay với 07 ấp gồm 5.380 hộ/khoảng 21.029 khẩu. Trong đó, số hộ đã đăng ký thực hiện phân loại rác tại nhà 3.211/5.380 hộ đạt tỷ lệ 60%, số hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn là 3.150/5.380 hộ đạt tỷ lệ 58,5%.

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại khoảng 6.154kg/ngày, trong đó: chất thải thực phẩm khoảng 4.000kg/ngày được người dân tái sử dụng làm thức ăn gia súc, sử dụng sinh vật bản địa IMO xử lý làm ra phân bón cho cây trồng; chất thải tái chế khoảng 308kg/ngày được người dân thu gom, phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; rác thải sinh hoạt còn lại khoảng 1.846kg/ngày được thu gom và đưa về khu xử lý; riêng rác thải nguy hại trong sinh hoạt và rác thải công kênh phát sinh không thường xuyên (trong đó rác thải nguy hại trong sinh hoạt khoảng 28,65 kg/năm được các hộ dân đưa ra điểm thu hồi chất thải nguy hại sinh hoạt trên địa bàn xã và được Phòng Tài nguyên và Môi trường hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; rác thải công kênh khoảng 2.765kg/năm được người dân thông báo khi có phát sinh và thỏa thuận với đơn vị thu gom đưa về khu xử lý).

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt còn lại chưa thực hiện phân loại khoảng 4.376kg(chiếm khoảng 29,5%) được thu gom về điểm trung chuyển và đơn vị thu gom rác đến thu gom, đưa về khu xử lý chất thải Vĩnh Tân xử lý.

+ *Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.*

Trên địa bàn xã có 21/21 cơ sở sản xuất kinh doanh và 11/11 cơ sở y tế, khối lượng rác thải nguy hại phát sinh khoảng 31.326kg/năm, các chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định

Với 5380/5380 hộ gia đình, khối lượng rác thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn, pin, ắc quy, thiết bị điện tử khoảng 20,23kg/năm được hộ dân đưa ra điểm thu hồi chất thải nguy hại trong sinh hoạt (07 điểm trên địa bàn xã), được Phòng Tài nguyên và Môi trường hợp đồng thu gom, xử lý thu gom theo quy định.

+ *Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.*

UBND xã xây dựng kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 19/7/2023 về việc điều tra các hộ nông nghiệp phát sinh phụ phẩm nông nghiệp, chất thải hữu cơ được thu gom, tái sử dụng, tái chế trên địa bàn xã.

* Đối với lĩnh vực trồng trọt: Trên địa bàn xã có tổng số hộ phát sinh phụ phẩm là 323 hộ với tổng diện tích là 288,6 ha (lúa 125,78 ha; cao su 13,4 ha; trà 90,8 ha; bưởi 11,7 ha; cam 10 ha; cỏ 11,9 ha; bầu 4ha; dưa leo 0,6 ha; rau 2,68 ha; mía 17,8 ha). Trong quá trình trồng, chăm sóc và thu hoạch sản phẩm cây trồng có phát sinh một số phụ phẩm nông nghiệp như: quả điều, trái bưởi, quýt, cam, nhánh trà, thân bắp, cùi bắp,... với khối lượng phát sinh khoảng 889,8 tấn/năm. Phụ phẩm được thu gom, tái sử dụng bằng cách thức dùng máy

băm nhỏ và sử dụng men vi sinh bản địa IMO, MEVI xử lý làm phân hữu cơ cho cây trồng, bên cạnh đó làm thức ăn cho bò, dê và làm nguyên liệu trồng rau, làm meo nấm như: cây bắp, cùi bắp,... với khối lượng khoảng 806,7 tấn/năm, đạt tỷ lệ 90,7%. Ngoài ra trong quá trình chăm sóc cây trồng trên địa bàn xã có phát sinh khối lượng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng khoảng 150 kg, các hộ dân đã thu gom và bỏ vào 07 cống bi thu gom rác thải nguy hại được Phòng Tài nguyên và Môi trường đã bố trí cho UBND xã trên địa bàn các ấp.

* Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Theo thống kê trên địa bàn xã có tất cả 48 cơ sở chăn nuôi, trong đó: quy mô trang trại có 04 cơ sở, quy mô hộ gia đình có 44 cơ sở. Qua kiểm tra thực tế cho ghi nhận hầu hết các cơ sở điều quan tâm thu gom, lưu giữ và định kỳ bàn giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý; đối với chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng thì các cơ sở tái sử dụng hoặc bán phế liệu cho các cơ sở thu mua phế liệu; đối với chất thải chăn nuôi (phân heo, bò, gà,..) Các cơ sở thu gom, bán cho các hộ dân có nhu cầu sử dụng; ủ làm phân để bón cho cây trồng, dùng làm thức ăn nuôi cá hoặc đưa vào hệ thống biogas để xử lý và thu khí làm chất đốt phục vụ cho việc nấu nướng trong cơ sở. Qua tổng hợp kết quả: Tổng khối lượng chất thải phát sinh 1.536 kg/ngày, trong đó khối lượng được thu gom, tái sử dụng thành nguyên liệu, nhiên liệu là 1435kg đạt tỷ lệ 93,42%.

* Đánh giá tình hình kết quả thực hiện:

Khối lượng chất thải phát sinh trong chăn nuôi và trồng trọt là 1450 tấn/năm

Khối lượng chất thải phát sinh trong chăn nuôi và trồng trọt được thu gom, xử lý, tái sử dụng: 1330 tấn/năm.

Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng so với khối lượng chất thải phát sinh đạt 91,7% (1330 /261450 tấn/năm).

Tỷ lệ hộ gia đình áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ trong chăn nuôi so với tổng số hộ gia đình đạt 100% (1.608 hộ /1.608 hộ).

+ *Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.*

* Đối với chăn nuôi trang trại: Trên địa bàn xã có 04 trang trại chăn nuôi, tuy nhiên 04 trang trại đều nằm trong diện phải di dời theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24/12/2023 về việc phê duyệt danh sách các cơ sở chăn nuôi phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 10/4/2023 về việc tổ chức di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn xã Thạnh Phú.

Kết quả: UBND xã đã lập biên bản với từng cơ sở chăn nuôi trong diện di dời trên, kết quả 4 cơ sở chăn nuôi trên đều xin nuôi hết lứa heo đang bán và đến

cuối năm 2024 sẽ tổ chức thực hiện di dời nếu không tìm được vị trí di dời phù hợp thì các cơ sở sẽ ngưng chăn nuôi (lộ trình cuối năm 2024).

*** Đối với chăn nuôi nông hộ:** Trên địa bàn xã có 44 cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ. Hàng năm UBND xã xây dựng Kế hoạch về kiểm tra hoạt động chăn nuôi về bảo đảm vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường. Kết quả kiểm tra trong 09 tháng đầu năm 2023 như sau:

Về vị trí xây dựng chuồng trại chăn nuôi: Chuồng trại chăn nuôi đều nằm tách biệt với nơi ở của người. 44 hộ chăn nuôi này nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thuộc đối tượng di dời theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh. Ngày 03/04/2023 UBND huyện đã có kế hoạch số 758/KH-UBND về việc Tổ chức thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và UBND xã cũng đã ban hành và triển khai kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 10/04/2023 về việc Tổ chức thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn xã, đồng thời mời 44 hộ chăn nuôi nêu trên thông báo lộ trình di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến hết năm 2024, cho các hộ ký cam kết di dời, ngưng chăn nuôi theo quy định; hiện nay các hộ đang giảm đàn và sẽ ngưng chăn nuôi trước trước 31/12/2024.

Về công tác phòng chống dịch, bệnh: Hàng năm UBND xã tiến hành triển khai 02 đợt tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ tiêm phòng cho đàn trâu bò chăn nuôi quy mô nông hộ, các hộ chăn nuôi khác và chăn nuôi trang trại tự tổ chức tiêm phòng theo quy định. Kết quả tiêm phòng trên địa bàn xã đạt trên 95%. Chuồng trại chăn nuôi được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại theo định kỳ 1 lần/ tuần; ngoài ra khi có nguy cơ dịch bệnh xảy ra thì thực hiện khử trùng, tiêu độc chuồng trại 2 lần/tuần.

Đối xử nhân đạo với vật nuôi: Qua kiểm tra, khảo sát hiện trạng chăn nuôi, kết quả: có chuồng trại, không gian chăn nuôi phù hợp với loại vật nuôi; vật nuôi được cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống đảm bảo vệ sinh; vật nuôi đều được tiêm vắc xin, phòng dịch bệnh theo quy định; vật nuôi không bị đánh đập, hành hạ.

Về thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường: Đối với các hộ chăn nuôi heo có lượng nước thải dưới 5m³/ngày đêm, các hộ này đều có hệ thống xử lý nước thải như: Bioga, hồ lắng,... nước thải sau khi xử đảm bảo quy định. Xác vật nuôi chết được xử lý bằng cách phương pháp đào hố chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường.

Kết quả: tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 97,72% (43/44 cơ sở)

+ *Chỉ tiêu 17.9: Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.*

UBND xã đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 về việc củng cố, kiện toàn Ban quản lý NTND Gò Bà Đạo ấp 6, xã Thạnh Phú và giao cho Ban quản lý nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo có trách nhiệm quản lý trực tiếp nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo (tại ấp 6 - xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

Việc quản lý hoạt động và sử dụng kinh phí Nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo thực hiện theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND xã Thạnh Phú về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng NTND Gò Bà Đạo tại ấp 6, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND xã Thạnh Phú về việc Về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 01, điều 14, chương II Quy chế quản lý và sử dụng Nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo ấp 6, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nội dung quản lý: Tham mưu phối hợp cùng Công chức địa chính - Xây dựng xã và Ban nhân dân ấp 6, xã Thạnh Phú để quản lý chặt chẽ diện tích đất công được quy hoạch sử dụng cho Nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo theo quy định hiện hành; Quản lý nghĩa trang theo đúng nội dung quy chế đã được phê duyệt; Định kỳ tổ chức chăm sóc, bảo quản, giữ gìn phân mộ, duy tu bảo dưỡng, nâng cấp hoặc xây mới các công trình công trong khu vực nghĩa trang theo quy định; Bảo đảm các quy định vệ sinh môi trường trong các nghĩa trang; Quy định, chỉ dẫn khách thăm viếng, tưởng niệm và quản lý các hoạt động trong nghĩa trang.

Ban quản lý NTND thường xuyên chăm sóc, bảo vệ phân mộ; khi phát hiện hiện tượng bất thường liên quan đến phân mộ như xuống cấp, hư hỏng... thì Ban quản lý nghĩa trang nhân dân Gò Bà Đạo có trách nhiệm báo ngay cho thân nhân để kịp thời khắc phục, xử lý; Kiểm tra, ngăn chặn kịp thời các hành vi gây ảnh hưởng đến nghĩa trang và người sử dụng dịch vụ nghĩa trang; Chăm sóc cây xanh, tổ chức dọn dẹp làm sạch đẹp môi trường và cảnh quan nghĩa trang; Kiểm tra, đề xuất việc tu bổ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang.

+ Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

Công tác triển khai thực hiện: UBND xã đã tổ chức tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân trong xã các quy định pháp luật về hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn xã và tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai, Hướng dẫn số 122/HD-SXD ngày 12/01/2017 của Sở Xây dựng Đồng Nai và các quy định khác có liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau; Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng. Tuyên truyền đến người dân trên địa bàn xã khi có người thân qua đời mắc các loại bệnh có nguy cơ truyền nhiễm ra cộng đồng sử dụng hình thức hỏa táng

nhằm góp phần xây dựng xã hội văn minh, dành quỹ đất để phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

Theo số liệu cập nhật lưu trữ về thực hiện thủ tục khai tử tính trong năm 2023 số người chết là 100 người, trong đó có 18 trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng, đạt tỷ lệ 18%.

+ *Chỉ tiêu 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.*

Theo quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Phú được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu Theo đó, trên địa bàn xã có 07 điểm dân cư nông thôn, cụ thể:

Điểm dân cư số 1: Diện tích cây xanh 126.351m² với tổng dân số 4.982 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 25,4m².

Điểm dân cư số 2: Diện tích cây xanh 27.724m² với tổng dân số 3.082 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 8,9m²

Điểm dân cư số 3: Diện tích cây xanh 23.729m² với tổng dân số 1.527 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 15,6m²

Điểm dân cư số 4: Diện tích cây xanh 85.866m² với tổng dân số 2.992 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 29,4m²

Điểm dân cư số 5: Diện tích cây xanh 81.426m² với tổng dân số 5.464 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 14,9m²

Điểm dân cư số 6: Diện tích cây xanh 38.943m² với tổng dân số 1.427 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 27,3m²

Điểm dân cư số 7: Diện tích cây xanh 64.007.943m² với tổng dân số 1.625 người. Tỷ lệ Cây xanh/dân số là 39,4m²

+ *Chỉ tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.*

Tổng lượng nhựa phát sinh là: 1042,3 kg/ngày (380,44 tấn/năm), cụ thể theo nguồn phát sinh sau: Trong sinh hoạt sau khi được phân loại tại nguồn trên địa bàn (3.150 hộ) với khối lượng rác thải nhựa phát sinh khoảng 610,2kg/ngày; Từ cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, trồng trọt: 148,88 kg/ngày (tương đương 54,34 tấn/năm); Từ hoạt động văn hoá thể thao, trường học và khu vực công cộng khác (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi có hội họp, tổ chức các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí), khoảng 74,65kg/ngày (27,2) tấn/năm được bố trí các thùng rác để thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

Về thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý: là 801,4 kg/ngày (292,53 tấn/năm), đạt tỷ lệ 77%; khối lượng xử lý tại KXL chất thải Vĩnh Tân khoảng 240,8kg/ngày (87,9 tấn/năm) đạt tỷ lệ 23%.

Kết quả: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 93%.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.18. Tiêu chí số 18 “Chất lượng môi trường sống”.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt $\geq 85\%$ (trong đó từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$)

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (70%)

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%)

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. (không)

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. (100%)

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch. (100%)

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. (100%)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ *Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.*

UBND xã thường xuyên quán triệt và xây dựng các văn bản chỉ đạo triển khai nhằm nâng cao chất lượng, số lượng người dân tham gia sử dụng nước sạch. Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức cho người trực tiếp sử dụng nước tại các ấp. Công tác kiểm tra, giám sát về nước sạch được duy trì thường xuyên.

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt $\geq 85\%$ (trong đó từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$). Hiện nay tổng số hộ dân trên địa bàn xã Thạnh Phú là 5.380 hộ, nguồn nước sạch đang sử dụng trên địa bàn từ Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú- Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Qua rà soát tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 66.37% (3.570hộ/5.380 hộ).

+ *Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.*

Xã Thạnh Phú có 5.380 hộ với 21.029 nhân khẩu, sử dụng nước sạch. Qua rà soát lượng nước được cấp sinh hoạt bình quân đầu người trên địa bàn xã là 85 lít.

+ *Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.*

Công trình CNTT Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai quản lý. Kết quả rà soát, địa phương đánh giá đạt 90 điểm/100 Điểm; Qua rà soát đánh giá đạt 90/100 điểm. Đánh giá công trình hoạt động bền vững

+ *Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.*

Trong năm 2023, UBND xã đã tập trung thực hiện công tác tuyên truyền về đảm bảo vệ sinh ATTP đối với các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm bằng các hình thức, tuyên truyền lưu động ghép với các nhiệm vụ của địa phương như phòng chống dịch sốt xuất huyết, công tác xây dựng Nông thôn mới nâng cao lồng ghép các bản tin, nội dung tuyên truyền về an toàn thực phẩm, chuyển tải những thông điệp, nội dung cảnh báo nguy cơ gây mất vệ sinh đối với các sản phẩm được bán tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dịp tết đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã. Tuyên truyền đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm người dân trên địa bàn xã hiểu rõ hơn về an toàn vệ sinh thực phẩm là như thế nào và công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Hàng năm UBND xã xây dựng Kế hoạch về kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở thực phẩm trên địa bàn xã. Trong năm 2023 xây dựng các kế hoạch triển khai tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã.

Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 298/298 người, đạt 100%.

+ *Chỉ tiêu 18.5: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.*

Qua theo dõi trong năm 2023 trên địa bàn xã không có trường hợp ngộ độc thực phẩm, hay xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

+ *Chỉ tiêu 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.*

Căn cứ hướng dẫn số 2455/ HD-SNN ngày 31/5/2023 về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, thuộc lĩnh vực Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao phụ trách.

UBND xã Thạnh Phú đã rà soát các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm thủy sản trên địa bàn, kết quả có 1 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản. Qua kiểm tra cơ sở này đã được chứng nhận về an toàn thực

phẩm, đáp ứng yêu cầu tại thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (đạt tỷ lệ 100%)

+ *Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch.*

Tổng số hộ có công trình nhà tiêu được xây dựng khép kín; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu; Có biện pháp xử lý, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh (virút, vi khuẩn) là 5.380/5.380 hộ (hệ thống bể tự hoại), đạt 100%.

Hộ gia đình có xây dựng nhà tắm đảm bảo các điều kiện: Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che; Nước thải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định là 5.380/5.380 hộ, đạt 100%.

Hộ dân trang bị Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện: Bể chứa có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng; Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người; Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; Có van lấy nước, van xả cạn và van xả tràn. Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước thường xuyên và định kỳ ít nhất 03 tháng 1 lần: 5.380/5.380 hộ, đạt 100%.

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là 5.380/5.380 hộ đạt 100%.

- *Chỉ tiêu 18.8: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Trên địa bàn xã Thạnh Phú không quy hoạch bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) *Đánh giá kết quả thực hiện:* Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.2.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng - An ninh - (Đạt)

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân. (Đạt)

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên do cố ý và bản án có hiệu lực; có mô hình camera an ninh và các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, cháy, nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả. (Đạt)

b) *Kết quả thực hiện:*

- *Chỉ tiêu 19.1: Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.*

Ban CHQS xã đã tham mưu cho Đảng ủy- UBND xã ban hành đầy đủ các văn bản như ra nghị quyết và các kế hoạch về lãnh chỉ đạo công tác Quân sự - Quốc phòng, Quốc phòng địa phương trong năm đạt được kết quả, chỉ tiêu trong năm. Tham mưu cho HĐ.GDQP – AN xã xây dựng đầy đủ các kế hoạch và ban hành quyết định, quy chế hoạt động của HĐ. GDQP – AN xã, hàng năm lập danh sách đối tượng 3 và đối tượng 4 tham gia bồi dưỡng kiến thức QPAN đạt 100% theo chỉ tiêu huyện giao.

Chi bộ quân sự có chi uỷ, đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã là Bí thư chi bộ Quân sự. Năm 2023 Chi bộ quân sự kết nạp 02 đảng viên trong lực lượng DQTT và thực hiện tốt các mô hình "*Xây dựng Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt*", "*Cán bộ, đảng viên điu dắt quần chúng và cấp dưới*"; Chi bộ quân sự đạt TSVM. Chi đoàn quân sự xã thường xuyên giáo dục cho lực lượng DQTT, DQCĐ, DQTC Thực hiện tốt mô hình chi đoàn 4 tốt, 01 nghiêm (đoàn kết tốt, học tập tốt, rèn luyện tốt, công tác tốt và 01 nghiêm-kỷ luật nghiêm); chi đoàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng đảng. Chi đoàn quân sự đạt vững mạnh xuất sắc.

Xây dựng Ban CHQS đủ về số lượng và chất lượng theo quy định của Luật DQTV và Luật Công chức, cụ thể: Đ/c Chính trị viên có trình độ Thạc sĩ và Cao cấp lý luận chính trị; Đ/c Chính trị viên phó có trình độ Đại học và trung cấp lý luận chính trị; Đ/c Chỉ huy trưởng có trình độ Đại học Quân sự cơ sở và trung cấp lý luận chính trị; 01 Phó Chỉ huy đã đào tạo trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở và trung cấp lý luận chính trị; 01 Phó Chỉ huy có trình độ Đại học ngành quân sự cơ sở (văn bằng 2) và trung cấp lý luận chính trị.

Duy trì thường xuyên mô hình “5S”, hàng tháng đơn vị đều đạt 03 nhất. Năm 2022 được công nhận đơn vị VMTD, trong công tác thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng và công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ của đơn vị được Ban CHQS huyện khen.

Năm 2023 công tác xây dựng lực lượng Dân quân luôn được quan tâm tổ chức thực hiện; Lực lượng dân quân xã 161/161 người , đạt 0,89% so với dân số và đạt so với Quyết định giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng Dân quân của Ban CHQS huyện. Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân 44/161 đạt 27,32%. Tổng số QNDB: 226 đ/c (SQ 22, HSQ-BS 204); Tổ chức xây dựng biên chế cho 4 đầu mỗi đơn vị DBĐV gồm dBB2/e201/f302, dDBĐV huyện, dCB Bộ CHQS tỉnh, e87/BCHH; Chất lượng chính trị: Đảng viên 26/226 đạt 11,50%; đoàn viên 160/226 đạt 70,79%. Cơ bản sắp xếp đúng và gần đúng chuyên nghiệp quân sự; Quân nhân dự bị tham gia huấn luyện đạt 100% so với chỉ tiêu huyện giao.

Căn cứ Nghị quyết của Đảng uỷ xã, Đảng ủy Quân sự huyện chi bộ đã ra Nghị quyết lãnh đạo công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể, các ấp trong công tác tuyển quân. Thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực

hiện đúng quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đúng trình tự và luật định. + Năm 2023 hoàn thành chỉ tiêu giao quân: 16/16 thanh niên.

Hàng năm căn cứ theo kế hoạch giáo dục chính trị của Ban CHQS huyện, Ban CHQS xã xây dựng kế hoạch tổ chức các đợt giáo dục chính trị tư tưởng cho các cán bộ, chiến sỹ đảm bảo thời gian, kế hoạch đề ra, quân số tham gia đạt 100%. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ chiến sỹ; bảo đảm 100% DQ và QNDB có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, quan điểm, chính sách pháp luật của nhà nước, địa phương. Quản lý chặt chẽ tình hình chính trị nội bộ trong đơn vị; duy trì tốt hoạt động xây dựng nề nếp ngày, tuần, lễ tiết tác phong làm việc của DQ, DBĐV; duy trì kỷ luật, quy định, đơn vị không để xảy ra kỷ luật phải xử lý.

Chỉnh trang trụ sở làm việc, nơi ăn nghỉ, phương tiện sinh hoạt, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Trang bị trang phục của DQ; bảo đảm đúng, đủ tiêu chuẩn, chế độ chính sách cho LLDQ (Theo đề án số 989 ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh). Tích cực tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ DQTT, bảo đảm tiền ăn thêm 10.000đ/người/ngày. Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện cho LLDQTT làm nhiệm vụ SSCĐ, phòng chống biểu tình, bạo loạn, phòng chống cháy nổ (Theo đề án số 989 ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh)

Chỉ tiêu 19.2: Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên do cố ý và bản án có hiệu lực; có mô hình camera an ninh và các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, cháy, nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

+ Công tác triển khai: Hàng năm, công an xã đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã xây dựng Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch nhằm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn xã. Đồng thời xây dựng kế hoạch về việc mở rộng cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã trong các dịp lễ, tết; kế hoạch công tác trọng tâm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Kết quả thực hiện: Hàng năm, UBND xã đều được UBND huyện Vĩnh Cửu đánh giá về xây dựng chính quyền cơ sở và cải cách hành chính là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trên địa bàn không xảy ra trường hợp khiếu kiện đông người. Công an xã triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp không để xảy ra trọng án trên địa bàn. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế.

Từ năm 2022 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh – quốc phòng; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh,

trật tự; hoạt động ly khai, tự trị. Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật: Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017 do lỗi cố ý và khi bản án có hiệu lực pháp luật). hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng). Năm 2023, Công an xã được đánh giá đơn vị tiên tiến thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt so với yêu cầu bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao

Trong giai đoạn 2016-2021, tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã là 499.867.045.138 đồng. Trong đó: vốn ngân sách 312.783.338.292 đồng chiếm tỷ lệ 62,5%, vốn xã hội hóa là 187.083.706.846 đồng chiếm tỷ lệ 37,5%. Đến nay, trên địa bàn xã không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tiếp tục quán triệt sâu rộng trong cán bộ, Đảng viên và nhân dân các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mà cụ thể là các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn xã chung sức xây dựng nông thôn mới”, khơi dậy và huy động tốt các nguồn lực trong nhân dân. Phát huy dân chủ ở cơ sở trong đó coi trọng vai trò làm chủ của nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

- Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND, phối hợp chặt chẽ với MTTQ và các đoàn thể, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bằng những việc làm thực tế nhằm nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới và thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

- Về phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã: Tập trung hoàn thành các loại công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu như sửa chữa, bê tông hoá đường giao thông nông thôn; mở rộng, nâng cấp các tuyến giao thông liên ấp, trường học, cơ sở vật chất văn hóa nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế và diện mạo khu vực nông thôn.

- Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

+ Tập trung đầu tư cho chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cho các sản phẩm nông nghiệp đô thị, coi

đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn;

+ Tập trung phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ cho nông dân. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

- Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, nước thải chăn nuôi...) và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn “xanh - sạch - đẹp”.

- Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực đối với người dân, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

- Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. Xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự ở xã, thôn.

- Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền, đào tạo đội ngũ cán bộ và tăng cường năng lực đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình:

+ Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức cho người dân về nội dung, phương pháp, cách làm NTM nâng cao.

+ Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới nâng cao ở xã và cán bộ ở thôn.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

UBND xã Thạnh Phú đã lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Thạnh Phú đã được UBND huyện Vĩnh Cửu thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, 76/76 chỉ tiêu đạt 100%.

- Các mặt Kinh tế, Văn hóa xã hội, Quốc phòng - an ninh đều được tập trung triển khai thực hiện đồng bộ với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp. Từ đó bộ mặt nông thôn đã thay đổi rõ nét, nhiều công trình mới

được đầu tư xây dựng, điện đường trường trạm đạt chuẩn phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Tất cả các tuyến đường ngõ xóm được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100% và có kế hoạch tu sửa thường xuyên, đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất cho người dân. Rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định, khắc phục được tình trạng vứt rác bừa bãi, cảnh quang, môi trường luôn sạch đẹp, thông thoáng.

- Lao động có việc làm ổn định, tay nghề được nâng cao, đời sống nhân dân ngày được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần, thu nhập bình quân đầu người hiện nay đạt 84,3 triệu đồng/người/năm. Hiện nay xã không còn hộ nghèo A.

- Hệ thống thông tin và truyền thông đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. 100% hồ sơ thực hiện đúng quy định. Nhìn chung về cơ bản người dân hài lòng đối với cách phục vụ của cán bộ, công chức. 100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, luân chuyển và trả kết quả. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính trong năm được đánh giá trên 100%

- Hệ thống chính trị xã hội ngày càng được củng cố, xây dựng vững mạnh. Cán bộ công chức được nâng cao về trình độ chuyên môn và chính trị, Đảng bộ, Chính quyền xã được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, các tổ chức đoàn thể được công nhận đạt danh hiệu Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. An ninh chính trị được giữ vững, không có tổ chức cá nhân hoạt động chống phá Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện kéo dài. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các tệ nạn cờ bạc, sô đê, trộm cắp, tai nạn giao thông từng bước được đẩy lùi. Trong năm, công an xã đạt danh hiệu Quyết thắng.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Trong giai đoạn 2016-2021, tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã là 499.867.045.138 đồng. Trong đó: vốn ngân sách 312.783.338.292 đồng chiếm tỷ lệ 62,5%, vốn xã hội hóa là 187.083.706.846 đồng chiếm tỷ lệ 37,5%. Đến nay, trên địa bàn xã không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Qua kết quả thẩm tra 19 tiêu chí xây dựng nông thôn nâng cao của xã Thạnh Phú đã thực hiện. Đối chiếu với các quy định tại Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng

Nai đến năm 2025. UBND huyện Vĩnh Cửu kính đề nghị BCĐ NN-ND-NT và XDNTM tỉnh, UBND tỉnh xét công nhận xã Thạnh Phú đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của huyện Vĩnh Cửu về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Thạnh Phú đề nghị xét công nhận đạt chuẩn năm 2024./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh Đồng Nai (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện VC;
- Văn phòng điều phối NTM;
- Lưu: VT

TM. UBND HUYỆN VĨNH CỬU
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Dung